



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN MÔN

ĐẠO ĐỨC 3

(Tài liệu lưu hành nội bộ)

lớp



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Tổng Chủ biên: HUỲNH VĂN SƠN
Đồng Chủ biên: MAI MỸ HẠNH – PHẠM QUỲNH
Đồng tác giả: LÊ QUỲNH CHI – TRẦN THỊ THUỖ DUNG
NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH – NGUYỄN THỊ VÂN HƯƠNG – GIANG THIÊN VŨ

TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN
MÔN
ĐẠO ĐỨC
lớp 3
(Tài liệu lưu hành nội bộ)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Mục lục

PHẦN MỘT: HƯỚNG DẪN CHUNG	3
I. Sách giáo khoa môn Đạo đức	3
1. Quan điểm biên soạn	3
2. Những điểm mới của sách giáo khoa <i>Đạo đức 3</i>	4
3. Cấu trúc sách giáo khoa và cấu trúc bài học.....	5
II. Phương pháp dạy học môn Đạo đức.....	39
1. Những yêu cầu cơ bản về phương pháp dạy học môn Đạo đức.....	39
2. Một số hướng dẫn, gợi ý phương pháp, hình thức tổ chức dạy học <i>Đạo đức 3</i>	40
III. Đánh giá kết quả học tập <i>Đạo đức 3</i>	44
IV. Hướng dẫn khai thác, sử dụng nguồn tài nguyên sách và các học liệu điện tử của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.....	45
1. Cam kết hỗ trợ giáo viên, cán bộ quản lý trong việc sử dụng tài nguyên sách và học liệu điện tử	45
2. Giới thiệu về hệ thống sách điện tử (<i>hanhtrangso.nxbgd.vn</i>)	47
V. Khai thác thiết bị và học liệu trong dạy học	48
 PHẦN HAI: GỢI Ý, HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC MỘT SỐ BÀI HỌC	50
I. Hướng dẫn dạy học dạng bài giáo dục đạo đức – giáo dục pháp luật.....	50
Bài 2: <i>An toàn khi đi trên các phương tiện giao thông</i>	52
Bài 13: <i>Việt Nam trên đà phát triển</i>	63
II. Hướng dẫn dạy học dạng bài giáo dục kỹ năng sống	72
Bài 10: <i>Em nhận biết bất hoà với bạn</i>	74

PHẦN MỘT

HƯỚNG DẪN CHUNG

I. SÁCH GIÁO KHOA MÔN ĐẠO ĐỨC

1. Quan điểm biên soạn

Sách giáo khoa (SGK) *Đạo đức 3* là tài liệu chính thức để dạy học môn Đạo đức cho học sinh (HS) lớp 3.

SGK *Đạo đức 3* bám sát định hướng đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục – đào tạo được thể hiện qua các văn bản chỉ đạo như: *Nghị quyết số 29/NQ-TW* của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (khoá XI), *Nghị quyết số 88/2014/QH13* của Quốc hội, *Quyết định số 404/QĐ-TTg* của Chính phủ.

SGK *Đạo đức 3* bám sát mục tiêu chung của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 và mục tiêu cụ thể của Chương trình Giáo dục tiểu học 2018: “Giúp HS hình thành và phát triển những yếu tố căn bản đặt nền móng cho sự phát triển hài hoà về thể chất và tinh thần, phẩm chất và năng lực; định hướng chính vào giáo dục về giá trị bản thân, gia đình, cộng đồng và những thói quen, nền nếp cần thiết trong học tập và sinh hoạt”.

SGK *Đạo đức 3* tiếp cận quan điểm hiện đại về SGK của các nước phát triển, làm cho SGK trở thành tài liệu “tạo cơ hội giúp HS kiến tạo hiểu biết thông qua việc cung cấp nhiều nguồn kiến thức (...) cung cấp cho HS nhiều hoạt động học tập, phản ánh quan điểm kiến tạo về bản chất tích cực của học tập”¹; “ưu tiên nhiều hơn cho cách dạy, cách học và phát triển các kĩ năng học tập, kĩ năng sống, kĩ năng làm việc cho HS”²; tạo điều kiện cho giáo viên (GV) vận dụng sáng tạo các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học lấy hoạt động học của HS làm trung tâm.

SGK *Đạo đức 3* kế thừa những ưu điểm và kinh nghiệm biên soạn SGK Đạo đức của Chương trình Giáo dục phổ thông 2006³ nhằm đảm bảo tính nhất quán, ổn định của toàn hệ thống giáo dục, phù hợp với năng lực sư phạm thực tế của đội ngũ GV hiện nay.

¹ Mike Horsley (2018), *Những xu hướng chính của việc đổi mới và hiện đại hoá chương trình, sách giáo khoa trong thời đại số và toàn cầu hoá*, in trong “Đổi mới và hiện đại hoá chương trình và sách giáo khoa theo định hướng phát triển năng lực” (Vũ Văn Hùng, Phan Xuân Thành, Trần Đức Tuấn đồng Chủ biên), NXB Giáo dục Việt Nam, tr.10.

² Nguyễn Thị Lan Phương (2018), *Sự gắn kết chương trình và sách giáo khoa phổ thông nhằm phát triển năng lực cho người học*, in trong “Đổi mới và hiện đại hoá chương trình và sách giáo khoa theo định hướng phát triển năng lực” (Vũ Văn Hùng, Phan Xuân Thành, Trần Đức Tuấn đồng Chủ biên), NXB Giáo dục Việt Nam, tr. 69 – 70.

³ Ban hành kèm theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 5/5/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

SGK Đạo đức 3 tuân thủ Thông tư số 33/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đồng thời thực hiện theo Quy định về quy trình xuất bản sách giáo khoa của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam⁴.

Chính tả sử dụng trong SGK Đạo đức 3 thực hiện theo Quy định tạm thời về chính tả trong sách giáo dục của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam⁵

Tư liệu, hình ảnh sử dụng trong SGK Đạo đức 3 thực hiện theo Nghị định số 22/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 23/2/2018 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ năm 2019.

2. Những điểm mới của sách giáo khoa Đạo đức 3

a. Về nội dung

SGK Đạo đức 3 bao gồm ba mạch nội dung:

– *Giáo dục đạo đức*: SGK Đạo đức 3 tiếp tục xây dựng nội dung giáo dục đạo đức xoay quanh các mối quan hệ trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2006 (với bản thân; với người khác; với công việc; với cộng đồng, đất nước, nhân loại; với môi trường tự nhiên) nhưng thay thế các mạch nội dung nhằm phát huy các phẩm chất đạo đức chủ yếu: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. Đó là các chủ đề: 1) Em yêu Tổ quốc Việt Nam; 2) Quan tâm đến hàng xóm láng giềng; 3) Ham học hỏi; 4) Giữ lời hứa; 5) Tích cực hoàn thành nhiệm vụ.

– *Giáo dục kỹ năng sống*: SGK Đạo đức 3 bổ sung chủ đề liên quan trực tiếp đến các kỹ năng nhận thức, quản lý bản thân và tự bảo vệ bản thân là: 1) Khám phá bản thân (gồm bài 8. Khám phá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân, bài 9. Phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm yếu của bản thân) và 2) Xử lý bất hòa với bạn bè (gồm bài 10. Em nhận biết bất hòa với bạn, bài 11. Em xử lý bất hòa với bạn bè).

– *Giáo dục pháp luật*: SGK Đạo đức 3 thay thế các kiến thức pháp luật nặng về lý thuyết bằng bài học thiết thực, phù hợp, vừa sức về *Tuân thủ quy tắc an toàn giao thông* (gồm 2 bài, bài 1. An toàn giao thông khi đi bộ; bài 2. An toàn khi đi trên các phương tiện giao thông).

b. Về hình thức

Theo Nghị quyết số 88/2014/QH13, một trong những mục tiêu của đổi mới chương trình, SGK giáo dục phổ thông là phát triển hài hòa đức, trí, thể, mỹ và phát huy tốt nhất tiềm năng của mỗi HS, đồng thời để phù hợp với đặc điểm, năng lực tư duy trực quan của HS tiểu học, SGK Đạo đức 3 chú trọng phát huy tối đa vai trò của kênh hình,

⁴ Ban hành theo Quyết định số 647/QĐ-HĐTV ngày 13/11/2017 của Hội đồng Thành viên NXB Giáo dục Việt Nam.

⁵ Ban hành theo Quyết định số 372/QĐ-HĐTV ngày 14/6/2019 của Hội đồng thành viên NXB Giáo dục Việt Nam.

dùng hình thay chữ; đảm bảo thể hiện chính xác, đẹp và hợp lí những nội dung giáo dục về chủ quyền quốc gia, quyền con người, quyền trẻ em, bình đẳng giới, phát triển bền vững, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, v.v. giúp HS dễ dàng hiểu và tiếp thu nhanh nội dung, yêu cầu bài học, thực hiện tốt các hoạt động học tập cần thiết; mặt khác tăng thêm tính thẩm mỹ và sức hấp dẫn của sách, tạo cảm giác nhẹ nhàng, thoải mái cho HS khi tiếp thu bài học.

3. Cấu trúc sách giáo khoa và cấu trúc bài học

3.1. Ma trận nội dung của sách giáo khoa Đạo đức 3

3.1.1. Nội dung giáo dục Đạo đức 3

a. Mục tiêu chung

Bước đầu hình thành, phát triển ở HS những hiểu biết ban đầu về chuẩn mực hành vi đạo đức, pháp luật và sự cần thiết thực hiện theo các chuẩn mực đó trong quan hệ với bản thân và người khác, với công việc, cộng đồng, đất nước, nhân loại và môi trường tự nhiên; thái độ tự trọng, tự tin; những tình cảm và hành vi tích cực: yêu gia đình, quê hương, đất nước; yêu thương, tôn trọng con người; đồng tình với cái thiện, cái đúng, cái tốt, không đồng tình với cái ác, cái sai, cái xấu; chăm học, chăm làm; trung thực; có trách nhiệm với thái độ, hành vi của bản thân.

Giúp HS bước đầu nhận biết và điều chỉnh được cảm xúc, thái độ, hành vi của bản thân; biết quan sát, tìm hiểu về gia đình, quê hương, đất nước và về các hành vi ứng xử; biết lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch cá nhân, hình thành thói quen, nền nếp cơ bản, cần thiết trong học tập, sinh hoạt.

b. Nội dung giáo dục Đạo đức 3

Giáo dục đạo đức (55%)					Giáo dục kĩ năng sống (25%)		Giáo dục pháp luật (10%)
Yêu nước	Nhân ái	Chăm chỉ	Trung thực	Trách nhiệm	Kĩ năng nhận thức, quản lí bản thân	Kĩ năng tự bảo vệ	—
– Việt Nam tươi đẹp	– Quan tâm đến hàng xóm láng giềng	– Em ham học hỏi	– Em giữ lời hứa	– Tích cực hoàn thành nhiệm vụ ở nhà	– Khám phá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân	– Em nhận biết bất hoà với bạn	– An toàn giao thông khi đi bộ

– Việt Nam trên đà phát triển – Tự hào truyền thống Việt Nam				– Tích cực hoàn thành nhiệm vụ ở lớp, ở trường	– Phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm yếu của bản thân	– Em xử lý bất hoà với bạn bè	– An toàn khi đi trên các phương tiện giao thông
---	--	--	--	--	---	-------------------------------	--

3.1.2. Phân tích chi tiết mục tiêu các bài học trong sách giáo khoa Đạo đức 3

Tên chủ đề	Tên bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	NĂNG LỰC		Mục tiêu bài học	Chất lượng
				Năng lực đặc thù/chỉ báo	Năng lực chung		
Tuân thủ quy tắc an toàn giao thông	Bài 1: An toàn giao thông khi đi bộ	2	- Nêu được một số quy tắc an toàn giao thông thường gặp. - Nhận biết được sự cần thiết phải tuân thủ quy tắc an toàn giao thông. - Tuân thủ quy tắc an toàn giao thông phù hợp với lứa tuổi.	Năng lực điều chỉnh hành vi: - Nhận thức chuẩn mực hành vi: Nhận biết được sự cần thiết phải tuân thủ quy tắc an toàn giao thông khi đi bộ. - Đánh giá hành vi của bản thân và người khác: Đồng tình với những hành vi tuân thủ quy tắc an toàn giao thông; không đồng tình với những hành vi vi phạm quy tắc an toàn giao thông khi đi bộ.	- Năng lực tự chủ và tự học - Năng lực giao tiếp và hợp tác	- Nêu được một số quy tắc an toàn giao thông khi đi bộ. - Nhận biết được sự cần thiết phải tuân thủ quy tắc an toàn giao thông khi đi bộ. - Tuân thủ quy tắc an toàn giao thông khi đi bộ phù hợp với lứa tuổi.	- Trách nhiệm - Nhân ái

			– Đồng tình với những hành vi tuân thủ quy tắc an toàn giao thông; không đồng tình với những hành vi vi phạm quy tắc an toàn giao thông.	– <i>Điều chỉnh hành vi:</i> Tuân thủ quy tắc an toàn giao thông khi đi bộ phù hợp với lứa tuổi. Năng lực tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội: – Tham gia vận động, tuyên truyền bạn bè, người thân tuân thủ các quy tắc an toàn giao thông.		– Đồng tình với những hành vi tuân thủ quy tắc an toàn giao thông; không đồng tình với những hành vi vi phạm quy tắc an toàn giao thông khi đi bộ.	
Bài 2: <i>An toàn khi đi trên các phương tiện giao thông</i>	2	– Nêu được một số quy tắc an toàn giao thông thường gặp. – Nhận biết được sự cần thiết phải tuân thủ quy tắc an toàn giao thông. – Tuân thủ quy tắc an toàn giao thông phù hợp với lứa tuổi.	Năng lực điều chỉnh hành vi: – <i>Nhận thức chuẩn mực hành vi:</i> Nêu được sự cần thiết phải tuân thủ quy tắc an toàn giao thông. – Đánh giá hành vi của bản thân và người khác: Thể hiện được thái độ đồng tình với thái độ, hành vi thể hiện việc tuân thủ quy tắc an toàn giao thông.	– Năng lực tự chủ và tự học – Năng lực giao tiếp và hợp tác	– Nêu được một số quy tắc an toàn giao thông thường gặp khi đi trên các phương tiện giao thông. – Nhận biết được sự cần thiết phải tuân thủ quy tắc an toàn giao thông khi đi trên các phương tiện giao thông.		

			– Đồng tình với những hành vi tuân thủ quy tắc an toàn giao thông; không đồng tình với những hành vi vi phạm quy tắc an toàn giao thông.	– <i>Điều chỉnh hành vi:</i> Bước đầu biết tuân thủ quy tắc an toàn giao thông. Năng lực tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội: – Tham gia vận động, tuyên truyền bạn bè, người thân tuân thủ các quy tắc an toàn giao thông.		– Tuân thủ quy tắc an toàn giao thông khi đi trên các phương tiện giao thông phù hợp với lứa tuổi. – Đồng tình với những hành vi tuân thủ quy tắc an toàn giao thông khi đi trên các phương tiện giao thông; không đồng tình với những hành vi vi phạm quy tắc.	
Ham học hỏi	Bài 3: <i>Em ham học hỏi</i>	3	– Nêu được một số biểu hiện của việc ham học hỏi. – Nhận biết được lợi ích của việc ham học hỏi đối với lứa tuổi của mình. – Thực hiện được việc làm thể hiện sự ham học hỏi.	Năng lực điều chỉnh hành vi: – <i>Nhận thức chuẩn mực hành vi:</i> Nêu được một số biểu hiện của việc ham học hỏi. Nhận biết được ích lợi của việc ham học hỏi. – <i>Đánh giá hành vi của bản thân và người khác:</i>	– Năng lực tự chủ, tự học	– Nêu được một số biểu hiện của việc ham học hỏi. – Nhận biết được lợi ích của việc ham học hỏi đối với lứa tuổi của mình. – Thực hiện được việc làm thể hiện sự ham học hỏi.	– Trách nhiệm

				Nhận xét được tính chất đúng – sai của một số thái độ, việc làm thể hiện hoặc chưa thể hiện việc ham học hỏi. Đồng tình với những việc làm thể hiện ham học hỏi; không đồng tình với những việc làm không thể hiện ham học hỏi. – <i>Điều chỉnh hành vi</i>: Biết điều chỉnh và nhắc nhở bạn bè điều chỉnh hành vi ham học hỏi phù hợp đối với lứa tuổi của mình; Thực hiện được việc làm thể hiện sự ham học hỏi.			
Tích cực hoàn thành nhiệm vụ	Bài 4: <i>Tích cực hoàn thành nhiệm vụ ở nhà</i>	2	– Nêu được một số biểu hiện của tích cực hoàn thành nhiệm vụ. – Biết vì sao phải tích cực hoàn thành nhiệm vụ.	Năng lực điều chỉnh hành vi: – <i>Nhận thức chuẩn mực hành vi</i>: Nêu được một số biểu hiện của tích cực hoàn thành nhiệm vụ ở nhà;	– Năng lực giao tiếp và hợp tác	– Nêu được một số biểu hiện của tích cực hoàn thành nhiệm vụ ở nhà. – Biết được vì sao phải tích cực hoàn thành nhiệm vụ ở nhà.	– Trách nhiệm

			– Hoàn thành nhiệm vụ đúng kế hoạch, có chất lượng. – Nhắc nhở bạn bè tích cực hoàn thành nhiệm vụ.	Nêu được sự cần thiết phải tích cực hoàn thành nhiệm vụ ở nhà. – <i>Đánh giá hành vi của bản thân và người khác:</i> Thể hiện được thái độ đồng tình với việc tích cực hoàn thành nhiệm vụ ở nhà; không đồng tình với việc chưa tích cực hoàn thành nhiệm vụ ở nhà. – <i>Điều chỉnh hành vi:</i> Hoàn thành nhiệm vụ ở nhà đúng kế hoạch, có chất lượng; Bước đầu biết nhắc nhở bạn bè tích cực hoàn thành nhiệm vụ ở nhà. Năng lực phát triển bản thân: – Tự lập kế hoạch và thiết kế bảng nhiệm vụ ở nhà.		– Hoàn thành nhiệm vụ ở nhà đúng kế hoạch, có chất lượng.	
--	--	--	---	---	--	--	--

Bài 5: <i>Tích cực hoàn thành nhiệm vụ ở lớp, ở trường</i>	2	– Nêu được một số biểu hiện của tích cực hoàn thành nhiệm vụ. – Biết vì sao phải tích cực hoàn thành nhiệm vụ. – Hoàn thành nhiệm vụ đúng kế hoạch, có chất lượng. – Nhắc nhở bạn bè tích cực hoàn thành nhiệm vụ.	Năng lực điều chỉnh hành vi: – <i>Nhận thức chuẩn mực hành vi:</i> Nêu được một số biểu hiện của tích cực hoàn thành nhiệm vụ ở lớp, ở trường; Nêu được sự cần thiết phải tích cực hoàn thành nhiệm vụ ở lớp, ở trường. – <i>Đánh giá hành vi của bản thân và người khác:</i> Thể hiện được thái độ đồng tình với việc tích cực hoàn thành nhiệm vụ ở lớp, ở trường; không đồng tình với việc chưa tích cực hoàn thành nhiệm vụ ở lớp, ở trường. – <i>Điều chỉnh hành vi:</i> Hoàn thành nhiệm vụ ở lớp, ở trường đúng kế hoạch, có chất lượng.	– Năng lực giao tiếp và hợp tác	– Nêu được một số biểu hiện của tích cực hoàn thành nhiệm vụ ở lớp, ở trường. – Biết được vì sao phải tích cực hoàn thành nhiệm vụ ở lớp, ở trường. – Hoàn thành nhiệm vụ ở lớp, ở trường đúng kế hoạch, có chất lượng. – Nhắc nhở bạn bè tích cực hoàn thành nhiệm vụ ở lớp, ở trường.	– Trách nhiệm
---	----------	---	---	--	--	----------------------

				Bước đầu biết nhắc nhở bạn bè tích cực hoàn thành nhiệm vụ ở lớp, ở trường. Năng lực phát triển bản thân: – Tự làm bằng nhiệm vụ ở lớp, ở trường và cam kết thực hiện.			
Giữ lời hứa	Bài 6: <i>Em giữ lời hứa</i>	3	– Nêu được một số biểu hiện của việc giữ lời hứa. – Biết vì sao phải giữ lời hứa. – Thực hiện giữ lời hứa bằng lời nói, việc làm cụ thể. – Đồng tình với những lời nói, hành động thể hiện việc giữ lời hứa; không đồng tình với lời nói, hành động không giữ lời hứa.	Năng lực điều chỉnh hành vi: – <i>Nhận thức chuẩn mực hành vi:</i> Nêu được một số biểu hiện của việc giữ lời hứa. Biết vì sao phải giữ lời hứa. – <i>Đánh giá hành vi của bản thân và người khác:</i> Đồng tình với những lời nói, hành động thể hiện việc giữ lời hứa; không đồng tình với lời nói, hành động không giữ lời hứa.	– Năng lực giao tiếp và hợp tác – Năng lực tự chủ – Năng lực giải quyết vấn đề	– Nêu được một số biểu hiện của việc giữ lời hứa. – Biết được vì sao phải giữ lời hứa. – Thực hiện giữ lời hứa bằng lời nói, việc làm cụ thể. – Đồng tình với những lời nói, hành động thể hiện việc giữ lời hứa; không đồng tình với lời nói, hành động không giữ lời hứa.	– Trung thực – Trách nhiệm

				– <i>Điều chỉnh hành vi</i> : Thực hiện giữ lời hứa bằng lời nói, việc làm cụ thể.			
Quan tâm đến hàng xóm láng giềng	Bài 7: <i>Quan tâm đến hàng xóm, láng giềng</i>	3	– Nêu được một số biểu hiện của việc quan tâm đến hàng xóm láng giềng. – Biết vì sao phải quan tâm đến hàng xóm láng giềng. – Quan tâm đến hàng xóm láng giềng bằng những lời nói, việc làm phù hợp. – Đồng tình với những lời nói, việc làm tốt; không đồng tình với những lời nói, việc làm không tốt đối với hàng xóm láng giềng.	Năng lực điều chỉnh hành vi: – <i>Nhận thức chuẩn mực hành vi</i>: Nêu được một số biểu hiện của việc quan tâm đến hàng xóm láng giềng. - Nhận biết được sự cần thiết của việc thực hiện lời nói, việc làm quan tâm đến hàng xóm láng giềng. – <i>Đánh giá hành vi của bản thân và người khác</i>: Thể hiện được sự đồng tình với lời nói, việc làm quan tâm đến hàng xóm láng giềng. – <i>Điều chỉnh hành vi</i>: Biết điều chỉnh lời nói, việc làm quan tâm đến hàng xóm	– Năng lực tự chủ và tự học – Năng lực giao tiếp và hợp tác – Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo	– Nêu được một số biểu hiện của việc quan tâm đến hàng xóm láng giềng. – Biết vì sao phải quan tâm đến hàng xóm láng giềng. – Quan tâm đến hàng xóm láng giềng bằng những lời nói, việc làm phù hợp. – Đồng tình với những lời nói, việc làm quan tâm đến hàng xóm láng giềng; không đồng tình với những lời nói, việc làm không quan tâm đến hàng xóm láng giềng.	

				láng giếng phù hợp. Thực hiện được việc làm thể hiện sự quan tâm đến hàng xóm láng giếng. Năng lực tìm hiểu các hoạt động kinh tế – xã hội: Biết quan sát, tìm hiểu về hàng xóm láng giếng, các hành vi ứng xử với hàng xóm láng giếng trong đời sống hằng ngày với sự giúp đỡ của thầy giáo, cô giáo và người thân.			
Khám phá bản thân	Bài 8: <i>Khám phá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân</i>	3	– Nêu được một số điểm mạnh, điểm yếu của bản thân. – Biết vì sao phải biết điểm mạnh, điểm yếu của bản thân. – Thực hiện được một số cách đơn giản tự đánh giá điểm mạnh,	Năng lực điều chỉnh hành vi: – <i>Nhận thức chuẩn mực hành vi:</i> Nêu được một số điểm mạnh, điểm yếu của bản thân. Nhận biết được lợi ích của việc biết điểm mạnh, điểm yếu của bản thân.	– Năng lực giao tiếp và hợp tác – Năng lực tự chủ và tự học – Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo	– Nêu được một số điểm mạnh, điểm yếu của bản thân. – Biết vì sao phải biết điểm mạnh, điểm yếu của bản thân. – Thực hiện được một số cách đơn giản tự đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân.	– Trách nhiệm

			điểm yếu của bản thân. – Rèn luyện để phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm yếu của bản thân.	– <i>Đánh giá hành vi của bản thân và người khác:</i> Thể hiện được sự đồng tình với cách tự đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân. – <i>Điều chỉnh hành vi:</i> Biết điều chỉnh và nhắc nhở bạn bè điều chỉnh cách tự đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân phù hợp. Năng lực phát triển bản thân: – Thực hiện được việc làm nhận biết được điểm mạnh, điểm yếu của bản thân. – Thực hiện được việc tự đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân. – Có ý thức học hỏi từ bố mẹ, thầy cô, bạn bè và những người xung quanh.			
--	--	--	--	--	--	--	--

Bài 9: <i>Phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm yếu của bản thân</i>	2	– Nêu được một số điểm mạnh, điểm yếu của bản thân. – Biết vì sao phải biết điểm mạnh, điểm yếu của bản thân. – Thực hiện được một số cách đơn giản tự đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân. – Rèn luyện để phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm yếu của bản thân.	Năng lực điều chỉnh hành vi: – <i>Nhận thức chuẩn mực hành vi:</i> Nêu được một số cách rèn luyện để phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm yếu của bản thân. – <i>Đánh giá hành vi của bản thân và người khác:</i> Thể hiện được sự đồng tình với các cách rèn luyện phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm yếu của bản thân. – <i>Điều chỉnh hành vi:</i> Biết điều chỉnh và nhắc nhở bạn bè về cách rèn luyện phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm yếu của bản thân phù hợp. Năng lực phát triển bản thân: – Thực hiện được việc rèn luyện các cách	– Năng lực giao tiếp và hợp tác – Năng lực tự chủ và tự học – Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo	– Rèn luyện để phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm yếu của bản thân.	– Trách nhiệm
--	----------	--	---	---	--	----------------------

				để phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm yếu. Có ý thức học hỏi thầy giáo, cô giáo, bạn bè, người khác.			
Xử lý bất hoà với bạn bè	Bài 10: <i>Em nhận biết bất hoà với bạn</i>	3	– Nêu được một số biểu hiện bất hoà với bạn bè. – Nhận biết được lợi ích của việc xử lý bất hoà với bạn bè. – Thực hiện được một số cách đơn giản, phù hợp để xử lý bất hoà với bạn bè. – Sẵn sàng giúp bạn bè xử lý bất hoà với nhau.	Năng lực phát triển bản thân: – Nhận biết được một số biểu hiện bất hoà với bạn bè trong học tập, vui chơi và hoạt động tập thể. – Hiểu được lợi ích của việc xử lý bất hoà với bạn bè.	– Năng lực giao tiếp và hợp tác – Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo	– Nêu được một số biểu hiện bất hoà với bạn bè. – Nhận biết được lợi ích của việc xử lý bất hoà với bạn bè.	– Trách nhiệm – Nhân ái
	Bài 11: <i>Em xử lý bất hoà với bạn bè</i>	2	– Nêu được một số biểu hiện bất hoà với bạn bè. – Nhận biết được lợi ích của việc xử lý bất hoà với bạn bè. – Thực hiện được một số cách đơn giản,	Năng lực phát triển bản thân: – Nhận biết được tình huống bất hoà và thực hiện được một số cách đơn giản, phù hợp để xử lý bất hoà của bản thân với bạn bè.	– Năng lực giao tiếp và hợp tác – Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo	– Thực hiện được một số cách đơn giản, phù hợp để xử lý bất hoà với bạn bè. – Sẵn sàng giúp bạn bè xử lý bất hoà với nhau.	– Trách nhiệm – Nhân ái

			phù hợp để xử lý bất hoà với bạn bè. – Sẵn sàng giúp bạn bè xử lý bất hoà với nhau.	– Thực hiện được một số cách đơn giản, phù hợp để giúp đỡ bạn bè xử lý bất hoà. – Có thái độ tích cực, sẵn sàng giúp đỡ bạn bè xử lý bất hoà.			
Em yêu Tổ quốc Việt Nam	Bài 12: <i>Việt Nam tươi đẹp</i>	2	– Biết Quốc hiệu, Quốc kì, Quốc ca Việt Nam. – Nêu được một số nét cơ bản về vẻ đẹp của đất nước, con người Việt Nam. – Nhận ra Tổ quốc Việt Nam đang phát triển mạnh mẽ. – Thực hiện được hành vi, việc làm thể hiện tình yêu Tổ quốc Việt Nam: nghiêm trang khi chào cờ và hát Quốc ca; yêu quý, bảo vệ thiên nhiên; trân trọng	Năng lực điều chỉnh hành vi: – <i>Nhận biết chuẩn mực hành vi:</i> Lựa chọn được cách để tuyên truyền, giới thiệu về vẻ đẹp đất nước, con người Việt Nam. – <i>Đánh giá hành vi của bản thân và người khác:</i> Tự đánh giá được những điều đã học và làm của bản thân; đánh giá được hành vi, việc làm của người khác liên quan đến việc bảo vệ, giữ gìn vẻ đẹp đất nước, con người Việt Nam.	– Năng lực tự chủ và tự học – Năng lực giao tiếp và hợp tác	– Nêu được một số nét cơ bản về vẻ đẹp của đất nước, con người Việt Nam. – Thực hiện được những việc làm bảo vệ thiên nhiên, cảnh quan của đất nước. – Trân trọng, tự hào về vẻ đẹp của đất nước, con người Việt Nam.	– Yêu nước

			và tự hào về truyền thống lịch sử, văn hoá của đất nước. – Tự hào được là người Việt Nam.	– <i>Điều chỉnh hành vi</i>: Bước đầu biết điều chỉnh và nhắc nhở bạn bè; điều chỉnh cảm xúc, thái độ, hành vi, thói quen của bản thân để góp phần bảo vệ, giữ gìn vẻ đẹp đất nước, con người Việt Nam. Năng lực phát triển bản thân: – <i>Thực hiện kế hoạch phát triển bản thân</i>: Thực hiện được các công việc của bản thân trong việc bảo vệ, giữ gìn vẻ đẹp đất nước, con người Việt Nam theo kế hoạch đã đề ra với sự hướng dẫn của thầy giáo, cô giáo và người thân. Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội: – <i>Tìm hiểu các hiện tượng</i>		
--	--	--	---	---	--	--

			<i>kinh tế – xã hội:</i> Bước đầu biết quan sát, tìm hiểu về quê hương, đất nước, các hành vi ứng xử trong đời sống hằng ngày với sự giúp đỡ của thầy giáo, cô giáo và người thân. – <i>Tham gia hoạt động kinh tế – xã hội:</i> Tham gia các hoạt động phù hợp với lứa tuổi do nhà trường, địa phương tổ chức để bảo vệ và giữ gìn vẻ đẹp đất nước, con người Việt Nam.			
Bài 13: Việt Nam trên đà phát triển	2	– Biết Quốc hiệu, Quốc kì, Quốc ca Việt Nam. – Nêu được một số nét cơ bản về vẻ đẹp của đất nước, con người Việt Nam.	Năng lực điều chỉnh hành vi: – <i>Nhận biết chuẩn mực hành vi:</i> Lựa chọn được cách để tuyên truyền về cảnh đẹp của đất nước, con người Việt Nam.		– Nêu được một số nét cơ bản về vẻ đẹp của đất nước, con người Việt Nam. – Thực hiện được những việc làm bảo vệ thiên nhiên, cảnh quan của đất nước.	– Yêu nước

		– Nhận ra Tổ quốc Việt Nam đang phát triển mạnh mẽ. – Thực hiện được hành vi, việc làm thể hiện tình yêu Tổ quốc Việt Nam: nghiêm trang khi chào cờ và hát Quốc ca; yêu quý, bảo vệ thiên nhiên; trân trọng và tự hào về truyền thống lịch sử, văn hoá của đất nước. – Tự hào được là người Việt Nam.	– <i>Đánh giá hành vi của bản thân và người khác:</i> Tự đánh giá được những điều đã học và làm được liên quan đến việc phát triển quê hương, đất nước. – <i>Điều chỉnh hành vi:</i> Bước đầu biết điều chỉnh và nhắc nhở bạn bè điều chỉnh cảm xúc, thái độ, hành vi, thói quen của bản thân để góp phần phát triển quê hương, đất nước. Năng lực phát triển bản thân: Thực hiện được các công việc của bản thân trong học tập và sinh hoạt theo kế hoạch đã đề ra với sự hướng dẫn của thầy giáo, cô giáo và người thân để biến ước mơ thành hiện thực.	– Trân trọng, tự hào về vẻ đẹp của đất nước, con người Việt Nam.	
--	--	--	---	---	--

Bài 14: <i>Tự hào truyền thống Việt Nam</i>	2	– Biết Quốc hiệu, Quốc kì, Quốc ca Việt Nam. – Nêu được một số nét cơ bản về vẻ đẹp của đất nước, con người Việt Nam. – Nhận ra Tổ quốc Việt Nam đang phát triển mạnh mẽ. – Thực hiện được hành vi, việc làm thể hiện tình yêu Tổ quốc Việt Nam: nghiêm trang khi chào cờ và hát Quốc ca; yêu quý, bảo vệ thiên nhiên; trân trọng và tự hào về truyền thống lịch sử, văn hoá của đất nước. – Tự hào được là người Việt Nam.	Năng lực điều chỉnh hành vi: – <i>Nhận biết chuẩn mực hành vi:</i> Lựa chọn được cách để tuyên truyền, giới thiệu về truyền thống lịch sử và văn hoá của đất nước. – <i>Đánh giá hành vi của bản thân và người khác:</i> Tự đánh giá được những điều đã học và làm của bản thân; đánh giá được hành vi việc làm của người khác liên quan đến việc giữ gìn và phát huy truyền thống lịch sử và văn hoá của đất nước. – <i>Điều chỉnh hành vi:</i> Bước đầu biết điều chỉnh và nhắc nhở bạn bè; điều chỉnh cảm xúc, thái độ, hành vi, thói quen của		– Biết Quốc hiệu, Quốc kì, Quốc ca Việt Nam. – Nghiêm trang khi chào cờ và hát Quốc ca. – Tự hào về truyền thống lịch sử, văn hoá của đất nước.	
--	----------	--	---	--	--	--

				bản thân để góp phần giữ gìn và phát huy truyền thống lịch sử và văn hoá của đất nước. Năng lực phát triển bản thân: – Thực hiện kế hoạch phát triển bản thân: Thực hiện được các công việc của bản thân trong việc giữ gìn, phát huy truyền thống lịch sử và văn hoá của đất nước theo kế hoạch đã đề ra với sự hướng dẫn của thầy giáo, cô giáo và người thân. Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội: – Tìm hiểu các hiện tượng kinh tế – xã hội: Bước đầu biết quan sát, tìm hiểu về quê hương, đất nước, các			
--	--	--	--	--	--	--	--

				hành vi ứng xử trong đời sống hằng ngày với sự giúp đỡ của thầy giáo, cô giáo và người thân. – <i>Tham gia hoạt động kinh tế – xã hội</i>: Tham gia các hoạt động phù hợp với lứa tuổi do nhà trường, địa phương tổ chức để giữ gìn, phát huy truyền thống lịch sử và văn hoá của đất nước.			
--	--	--	--	---	--	--	--

Nội dung chi tiết này đã phủ hết những yêu cầu cần đạt quy định trong Chương trình Đạo đức lớp 3, đồng thời đan xen rèn luyện cho HS những năng lực, phẩm chất được quy định trong Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể.

3.2. Cấu trúc sách giáo khoa Đạo đức 3

Tuân thủ quy định của Thông tư 33/2017, cấu trúc SGK Đạo đức 3 có đầy đủ các thành phần cơ bản: *Hướng dẫn sử dụng sách*, *Lời nói đầu*, *Bảng giải thích thuật ngữ*, *Mục lục*, *Bài học*; trong đó:

Hướng dẫn sử dụng sách: Giới thiệu ngắn gọn về môn học, SGK môn học và nội dung, ý nghĩa của các hoạt động học tập chủ yếu của HS.

Lời nói đầu: Giới thiệu ngắn gọn, nhẹ nhàng, thân thiện, cởi mở với HS thông điệp về cuốn SGK như một người bạn thân thiết của các em.

Bảng giải thích thuật ngữ: Chọn lọc, giải thích và ghi chú sự xuất hiện của một số thuật ngữ quan trọng, liên quan đến định hướng, cách thức tổ chức các hoạt động dạy học của GV.

Mục lục: Thể hiện trình tự sắp xếp các bài học và số trang bắt đầu của bài học đó trong SGK.

Bài học: Giới thiệu các bài học như một chỉnh thể kiến thức, kĩ năng, thái độ liên quan trực tiếp đến mức độ yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực người học để tổ chức các tập thể HS thực hiện hoạt động học tập trong một thời gian nhất định và theo một kế hoạch dạy học nhất định. Đồng thời, như một mắt xích nhận thức, mỗi bài học đều có những mối liên hệ logic, mật thiết với các bài học trước và sau nó trong một chương trình giáo dục thống nhất.

3.3. Cấu trúc bài học sách giáo khoa Đạo đức 3

Để quá trình tổ chức các hoạt động dạy học được thuận lợi, phù hợp với khả năng nhận thức, đặc điểm tâm sinh lí của HS và thời lượng tiết học ở Tiểu học, cấu trúc bài học trong SGK *Đạo đức 3* bao gồm các thành phần: *Khởi động*, *Kiến tạo tri thức mới*, *Luyện tập*, *Vận dụng* và *Ghi nhớ*. Cụ thể:

Khởi động: Là hoạt động học tập nhằm:

- Tạo tâm thế cho HS chuẩn bị bước vào bài học; bước đầu cảm nhận về chuẩn mực hành vi đạo đức cần hình thành, phát triển;

- Tạo tình huống học tập trên cơ sở huy động kiến thức nền, khơi gợi cảm xúc đạo đức của HS;

- Kích thích hứng thú tìm tòi, khám phá, giải quyết vấn đề của HS về các biểu hiện cụ thể của hành vi đạo đức trong những hoạt động tiếp theo.

Ví dụ: Bài 3. *Em ham học hỏi*, trang 14.

Kiến tạo tri thức mới: Là hoạt động học tập nhằm giúp HS:

- Nhận diện các biểu hiện cụ thể của chuẩn mực hành vi đạo đức;

- Tự nhận xét và đưa ra phán đoán đúng/sai, nên/không nên, đồng tình/không đồng tình,... về những hành động có thể xảy ra trong các tình huống;

- Hiểu được sự cần thiết của việc thực hiện hành vi phù hợp với chuẩn mực đạo đức trong cuộc sống hằng ngày.

Ví dụ: Bài 14. *Tích cực hoàn thành nhiệm vụ ở nhà*, trang 19.

Chủ đề: HAM HỌC HỎI

Bài 3: EM HAM HỌC HỎI

Mục tiêu

- Nêu được một số biểu hiện của việc ham học hỏi.
- Nhận biết được lợi ích của việc ham học hỏi đối với lứa tuổi của mình.
- Thực hiện được việc làm thể hiện sự ham học hỏi.

Khởi động

Cùng nghe bài hát *Trang sách em yêu* (Nhạc và lời: Lê Vĩnh Phúc) và trả lời câu hỏi



- Sách đã đem lại cho bạn nhớ điều gì?
- Chia sẻ về những điều hay mà em đã học được từ những trang sách.
- Cảm xúc của em như thế nào khi học những điều hay đó?

Kiến tạo tri thức mới

1. Quan sát tranh và cho biết bạn nào tích cực hoàn thành nhiệm vụ ở nhà



Kể thêm các biểu hiện của việc tích cực hoàn thành nhiệm vụ ở nhà.

Luyện tập: Là hoạt động học tập nhằm giúp HS:

- củng cố kiến thức, kỹ năng vừa được kiến tạo;
- Luyện tập cách thức lựa chọn hành vi ứng xử của bản thân phù hợp với những tình huống đạo đức điển hình.
- Liên hệ thực tế bản thân, rút ra những kinh nghiệm nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi cá nhân một cách hiệu quả.

Ví dụ: Bài 6. *Em giữ lời hứa*, trang 31.



Vận dụng: Là hoạt động học tập nhằm giúp HS:

- Hình thành và rèn luyện thói quen, nền nếp thực hiện các hành vi phù hợp với chuẩn mực đạo đức trong cuộc sống hằng ngày.

– Tăng cường ý thức và năng lực thường xuyên vận dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

– Tăng cường hứng thú và tính sáng tạo trong ứng dụng kiến thức; thấy rõ giá trị của kiến thức đối với cuộc sống của bản thân và cộng đồng...

Ví dụ: Bài 5. *Tích cực hoàn thành nhiệm vụ ở lớp, ở trường*, trang 27.

Vận dụng

1. Chia sẻ về việc em tích cực hoàn thành nhiệm vụ ở lớp, ở trường.
2. Cùng lập kế hoạch cho một hoạt động chung của lớp em.

Gợi ý:



3. Tích cực hoàn thành nhiệm vụ ở lớp, ở trường.

Nhiệm vụ tích cực hoàn thành ở trường, ở lớp chứng minh thi đua.

Ghi nhớ: Được xem như phần tiểu kết của bài học, thể hiện cô đúc những giá trị đạo đức, kĩ năng sống cốt lõi một cách dễ nhớ, dễ thuộc.

Ví dụ: Bài 4. *Tích cực hoàn thành nhiệm vụ ở nhà*, trang 22.

*Em ơi nhiệm vụ chớ quên
Tích cực thực hiện, không nên chần chừ!*

3.4. Bài minh họa

3.4.1. Dạng bài giáo dục đạo đức

Chủ đề: HAM HỌC HỎI

Bài 3: EM HAM HỌC HỎI

Mục tiêu

- Nêu được một số biểu hiện của việc ham học hỏi;
- Nhận biết được lợi ích của việc ham học hỏi đối với lứa tuổi của mình;
- Thực hiện được việc làm thể hiện sự ham học hỏi.

Khởi động

Cùng nghe bài hát *Trang sách em yêu* (Nhạc và lời: Lê Vinh Phúc) và trả lời câu hỏi



- Sách đã đem lại cho bạn nhỏ điều gì?
- Chia sẻ về những điều hay mà em đã học được từ những trang sách.
- Cảm xúc của em như thế nào khi học những điều hay đó?

Kiến tạo tri thức mới

1. Đọc truyện và trả lời câu hỏi

CẬU BÉ HAM HỌC

Dưới thời vua Trần Thái Tông, có một gia đình nông dân nghèo sinh được cậu con trai đặt tên là Nguyễn Hiền. Lên 6 tuổi, Nguyễn Hiền đi học. Cậu rất thông minh, học đến đâu nhớ đến đó. Sau vì nhà nghèo phải nghỉ học, nhưng ngày nào cậu cũng đứng ngoài lớp nghe giảng nhờ. Ban đêm, cậu bắt đom

đóm bỏ vào vỏ trứng làm đèn để học, dùng lá chuối khô thay giấy để tập viết, để làm bài. Cậu nổi tiếng là văn hay chữ tốt.

Năm 13 tuổi, Nguyễn Hiền đi thi và đậu Trạng nguyên. Đó là vị Trạng nguyên trẻ nhất nước Nam ta.

(Phỏng theo Trình Đường, *Tiếng Việt 4*, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2015, trang 104)

- Nêu những biểu hiện ham học hỏi của Nguyễn Hiền.
- Việc ham học hỏi đã giúp Nguyễn Hiền đạt được kết quả gì?

2. Quan sát tranh và cho biết bạn nào ham học hỏi



Kể thêm các biểu hiện ham học hỏi.

3. Quan sát tranh và cho biết lợi ích của việc ham học hỏi



Kể thêm lợi ích của việc ham học hỏi.

Luyện tập

1. Em đồng tình hay không đồng tình với việc làm nào sau đây? Vì sao?



2. Đưa ra lời khuyên cho các bạn trong các tình huống sau

• Tình huống 1:

Khi ở bảo tàng, Cốm mãi nói chuyện riêng trong lúc các bạn chăm chú nghe thuyết minh.

• Tình huống 2:

Bin đòi mẹ mua đồ chơi siêu nhân rồi mới chịu đọc sách.

• Tình huống 3:

Tin dành nhiều giờ để lên mạng tìm hiểu thông tin về một nhân vật ảo trong trò chơi điện tử.

3. Xử lý tình huống

• Tình huống 1:



• Tình huống 2:



Vận dụng

1. Chia sẻ những việc em đã làm thể hiện sự ham học hỏi.
2. Làm sổ tay đọc sách, trong đó ghi lại những cuốn sách em đã đọc, những cuốn sách em muốn đọc trong một tháng và chia sẻ với các bạn.
3. Quan sát và đặt các câu hỏi "Vì sao? Như thế nào? Làm cách nào?" để khám phá về cuộc sống xung quanh em, sau đó cùng bạn tìm câu trả lời.

*Muốn biết phải hỏi, muốn giỏi phải học.
(Tục ngữ)*

3.4.2. Dạng bài giáo dục kĩ năng sống

Chủ đề: KHÁM PHÁ BẢN THÂN

Bài 8: KHÁM PHÁ ĐIỂM MẠNH, ĐIỂM YẾU CỦA BẢN THÂN

Mục tiêu

- Nêu được một số điểm mạnh, điểm yếu của bản thân;
- Biết vì sao phải biết điểm mạnh, điểm yếu của bản thân;
- Thực hiện được một số cách đơn giản tự đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân.

Khởi động

Tham gia trò chơi *Thám tử nhí* và trả lời câu hỏi



Làm thế nào mà các bạn đoán được đó là ai?

Kiến tạo tri thức mới

1. Quan sát tranh và cho biết các bạn trong tranh có điểm mạnh, điểm yếu nào





2. Quan sát tranh và trả lời câu hỏi



Vi sao cần phải biết điểm mạnh, điểm yếu của bản thân?

3. Các bạn trong tranh tự đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân bằng cách nào?



Kể thêm các cách tự đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân.

Luyện tập

- Em đồng tình hay không đồng tình với các ý kiến dưới đây? Vì sao?
 - Em có nhiều điểm mạnh rồi, không cần cố gắng nữa.
 - Nếu em nói cho người khác biết điểm yếu của mình, họ sẽ cười chê.
 - Lời góp ý của những người xung quanh sẽ giúp em biết được điểm mạnh, điểm yếu của bản thân.
 - Nhận rõ điểm mạnh, điểm yếu sẽ giúp em hoàn thiện bản thân.

- Thực hiện tự đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân theo các bước sau:

Bước 1: Em tự viết ra giấy 3 điểm yếu và 3 điểm mạnh của bản thân.

Bước 2: Xin ý kiến của bạn bè để ghi thêm vào các điểm mạnh và điểm yếu của em.

Bước 3: Xin ý kiến của thầy, cô giáo (hoặc người thân) để em bổ sung, điều chỉnh lại cho chính xác hơn.

Gợi ý: Điểm mạnh, điểm yếu của Cốm

Điểm mạnh, điểm yếu của Cốm	
Điểm mạnh	Điểm yếu
1. Hát hay	1. Viết chữ chưa đẹp
2. Tính toán giỏi	2. Ham chơi
3. Quan tâm đến mọi người	3. Nóng tính

Vận dụng

- Chia sẻ kết quả tự đánh giá về điểm mạnh, điểm yếu của em với bố mẹ, thầy cô và bạn bè.

- Ghi lại lời góp ý, lời khen, lời nhắc nhở của bố mẹ, thầy cô, bạn bè về em.

Điểm mạnh, điểm yếu bản thân
Em tự khám phá hoặc cần lắng nghe
Lựa chọn ý kiến khen, chê
Nhìn nhận ưu, khuyết thuộc về bản thân.

3.4.3. Dạng bài giáo dục pháp luật

Bài 2: AN TOÀN KHI ĐI TRÊN CÁC PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG

Mục tiêu

- Nêu được một số quy tắc an toàn thường gặp khi đi trên các phương tiện giao thông;
- Nhận biết được sự cần thiết phải tuân thủ quy tắc an toàn khi đi trên các phương tiện giao thông;
- Tuân thủ quy tắc an toàn khi đi trên các phương tiện giao thông phù hợp với lứa tuổi;
- Đồng tình với những hành vi tuân thủ quy tắc an toàn khi đi trên các phương tiện giao thông; không đồng tình với những hành vi vi phạm quy tắc an toàn khi đi trên các phương tiện giao thông.

Khởi động

1. Kể tên các phương tiện giao thông mà em biết.
2. Em đã tham gia phương tiện giao thông nào?

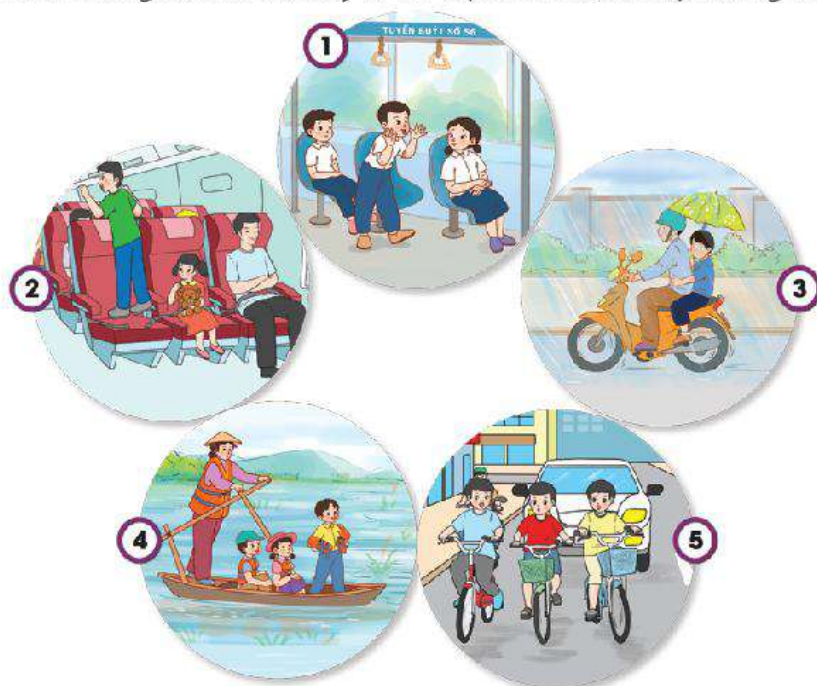
Kiến tạo tri thức mới

1. Quan sát tranh và nêu một số quy tắc an toàn khi đi trên các phương tiện giao thông





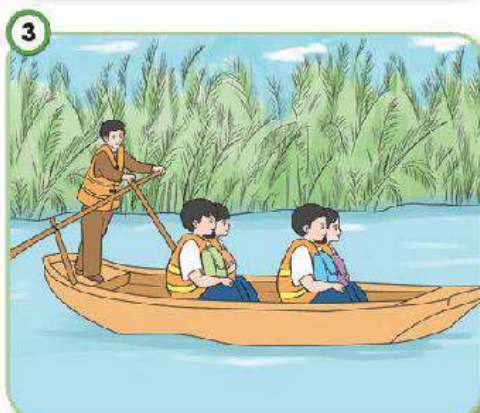
2. Nêu những điều có thể xảy ra với việc làm của các bạn trong tranh



Vì sao cần tuân thủ quy tắc an toàn khi đi trên các phương tiện giao thông?

Luyện tập

1. Em đồng tình hay không đồng tình với hành vi nào dưới đây? Vì sao?



2. Xử lý tình huống

• Tình huống 1:

Chị hàng xóm rủ Na đi xuống đến chợ nổi. Na nhắc chị đưa áo phao để mặc nhưng chị bảo: “Không cần đâu em, chợ gần nhà mà!”.

Nếu là Na, em sẽ làm gì?

• Tình huống 2:

Trên đường đi học, lúc dừng đèn đỏ, em nhìn thấy Bin được mẹ chở đi học bằng xe máy. Bin đội mũ bảo hiểm nhưng không cài quai.

Em sẽ nhắc nhở Bin như thế nào?

• Tình huống 3:

Trên xe buýt, em thấy Tin định mở cửa sổ để thò đầu ra ngắm cảnh.

Em sẽ làm gì?

Vận dụng

1. Chia sẻ về việc em tuân thủ quy tắc an toàn khi đi trên các phương tiện giao thông.

2. Nhắc nhở người thân, bạn bè đảm bảo an toàn trong các trường hợp:

- Bố, mẹ sắp đi máy bay.
- Anh, chị đang vội đi làm bằng xe máy.
- Các bạn tự đi đến trường bằng xe đạp.

3. Tuân thủ quy tắc an toàn khi đi trên các phương tiện giao thông.

*Đường gần cho đến đường xa
Đường sắt, đường thủy hay là đường không
Tuân thủ quy tắc giao thông
Tự tin vui bước, em không sợ gì.*

II. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MÔN ĐẠO ĐỨC

1. Những yêu cầu cơ bản về phương pháp dạy học môn Đạo đức

Chương trình môn Giáo dục công dân (trong đó có môn Đạo đức) đã giới thiệu một cách khái quát 4 nguyên tắc giáo dục phù hợp với đặc trưng môn học, đó là:

“1. Chú trọng tổ chức, hướng dẫn các hoạt động để HS khám phá, phân tích, khai thác thông tin, xử lý tình huống thực tiễn, trường hợp điển hình; tăng cường sử dụng các thông tin, tình huống, trường hợp của thực tế cuộc sống xung quanh, gắn gũi với đời sống HS trong việc phân tích, đối chiếu, minh họa để các bài học vừa có sức hấp dẫn, vừa nhẹ nhàng, hiệu quả; coi trọng tổ chức các hoạt động trải nghiệm để HS tự phát hiện và chiếm lĩnh kiến thức mới, phát triển kỹ năng và thái độ tích cực, trên cơ sở đó hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực của người công dân tương lai.

2. Kết hợp sử dụng các phương pháp dạy học (PPDH) truyền thống với các PPDH hiện đại theo hướng tích cực hoá hoạt động của người học; tăng cường sử dụng các PPDH đặc thù của môn học như: giải quyết vấn đề, phân tích trường hợp điển hình kết hợp nêu những tấm gương công dân tiêu biểu; xử lý tình huống có tính thời sự về đạo đức, pháp luật và kinh tế trong cuộc sống hằng ngày; thảo luận nhóm; đóng vai; dự án;...

3. Kết hợp các hình thức dạy học theo hướng linh hoạt, phù hợp, hiệu quả: dạy học theo lớp, theo nhóm và cá nhân; dạy học ở trong lớp và ở ngoài lớp, ngoài khuôn viên nhà trường; tăng cường thực hành, rèn luyện kỹ năng trong các tình huống cụ thể của đời sống; tích cực sử dụng các phương tiện dạy học hiện đại nhằm đa dạng, cập nhật thông tin, tạo hứng thú cho HS.

4. Phối hợp giáo dục trong nhà trường với giáo dục ở gia đình và xã hội”.

Đây là những nguyên tắc chi phối toàn bộ quá trình tổ chức dạy học môn Giáo dục công dân nói chung, môn Đạo đức nói riêng theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.

Ở đây, GV cần lưu ý thêm khi vận dụng các phương pháp dạy học vào giờ dạy học *Đạo đức 3*:

Vì năng lực được hình thành, phát triển thông qua hoạt động và thể hiện sự thành công trong hoạt động thực tiễn cho nên trong dạy học môn Đạo đức, tổ chức hoạt động học tập cho HS cần được coi là hình thức dạy học chủ yếu và quan trọng nhất; nghĩa là quá trình dạy học cần được tổ chức thành các hoạt động học tập trên cơ sở phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động của người học, từ đó giúp HS tự khám phá những điều chưa biết chứ không phải thụ động tiếp thu những tri thức được sắp đặt sẵn.

Việc tổ chức hoạt động dạy học môn Đạo đức cần đảm bảo các yêu cầu sau:

a. Hoạt động phải nhằm thực hiện các yêu cầu cần đạt; mỗi hoạt động phải có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, phù hợp và phản ánh được các mức độ của yêu cầu cần đạt.

b. Hoạt động phải là hoạt động của HS. GV thiết kế, tổ chức, hướng dẫn, tạo môi trường và điều kiện để HS tham gia hoạt động với tư cách chủ thể tích cực, sáng tạo, được tự mình trao đổi, thảo luận, phân tích, đối chiếu, tìm tòi, khám phá, trải nghiệm,... nhằm giải quyết các nhiệm vụ học tập.

c. Hình thức tổ chức các hoạt động phải đa dạng, linh hoạt, phù hợp, hiệu quả: hoạt động theo lớp, theo nhóm và cá nhân; hoạt động trong lớp, ngoài lớp và ngoài trường; các hoạt động tập thể, câu lạc bộ, công tác Đoàn, Đội của HS; hoạt động thực hành, rèn luyện kĩ năng trong các tình huống cụ thể của đời sống; hoạt động sử dụng các phương tiện thông tin truyền thông hiện đại nhằm đa dạng, cập nhật thông tin, v.v.

2. Một số hướng dẫn, gợi ý phương pháp, hình thức tổ chức dạy học Đạo đức 3

Như đã nói ở trên, một trong những nguyên tắc giáo dục đặc trưng của môn học là “Kết hợp sử dụng các PPDH truyền thống với các PPDH hiện đại theo hướng tích cực hoá hoạt động của người học; tăng cường sử dụng các PPDH đặc thù của môn học như: giải quyết vấn đề, phân tích trường hợp điển hình kết hợp nêu những tấm gương công dân tiêu biểu; xử lí tình huống có tính thời sự về đạo đức, pháp luật và kinh tế trong cuộc sống hằng ngày; thảo luận nhóm; đóng vai; dự án;...”.

Dưới đây là những hướng dẫn, gợi ý cụ thể giúp GV vận dụng hiệu quả hơn một số PPDH tích cực nhằm nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động dạy học Đạo đức 3.

2.1. Phương pháp đàm thoại

Đàm thoại tuy là một trong những PPDH cổ điển, có truyền thống lâu đời nhất nhưng cho đến nay, đây vẫn được xem là PPDH thích hợp với quan điểm dạy học hiện đại vì khả năng thiết lập quan hệ tương tác giữa GV với HS, gây hứng thú, khuyến khích, kích thích tư duy của HS, hướng HS tập trung suy nghĩ từng bước, từng khía cạnh, vấn đề, yêu cầu,... của nội dung bài học; đồng thời qua việc trả lời câu hỏi của HS, GV nắm được mức độ nhận thức của các em để điều chỉnh cách dạy cho phù hợp.

Trong SGK Đạo đức 3, đặt và trả lời câu hỏi diễn ra thường xuyên, liên tục nhằm duy trì quan hệ tương tác sư phạm và tinh thần, ý thức học tập của HS, giúp HS có điều kiện thâm nhập sâu hơn vào nội dung bài học.

Ví dụ: Bài 6: Em giữ lời hứa

Kiến tạo tri thức mới

1. Quan sát tranh và cho biết bạn nào đã giữ lời hứa

• Tình huống 1:



• Tình huống 2:



• Tình huống 3:



29

• Tình huống 4:



2. Đọc truyện và trả lời câu hỏi

LỜI HỨA

Lớp chọn Cốm, Bìn, Na và Tin tham gia cuộc thi cắm hoa của trường. Cốm hào hứng xung phong mang bình cắm hoa.

Hôm diễn ra hội thi, các bạn đều có mặt từ sớm nhưng mãi không thấy Cốm đâu. Gần hết giờ thì, Cốm mới đem bình hoa đến. Cả nhóm đều rất buồn vì đã không kịp hoàn thiện sản phẩm dự thi.

Cốm ngại ngùng nói:

– Tại tôi qua tờ thức khuya nên sáng nay ngủ dậy muộn. Tôi rất hối hận và xin lỗi các bạn.



– Nguyên nhân nào khiến cả nhóm không kịp hoàn thiện sản phẩm dự thi?

– Cốm đã làm gì khi không giữ được lời hứa với các bạn?

– Vì sao cần giữ lời hứa?

30

Để giúp HS bước đầu tìm hiểu, phân biệt được những biểu hiện biết quý trọng thời gian hoặc không biết quý trọng thời gian, GV có thể đặt những câu hỏi dẫn dắt, gợi mở:

- Các bạn trong tranh đã nói gì, làm gì?
- Lời nói, việc làm đó cho thấy các bạn đã giữ lời hứa như thế nào?
- Lời nói, việc làm đó cho thấy bạn nào biết, bạn nào chưa giữ lời hứa?...

Ngoài ra, với Hoạt động 2. Đọc truyện và trả lời câu hỏi, GV có thể tổ chức cho HS trao đổi thêm một số câu hỏi; qua đó giúp HS nhìn nhận vấn đề sâu sắc hơn.

2.2. Phương pháp thảo luận nhóm

Thảo luận nhóm là PPDH, trong đó GV sắp xếp HS thành những nhóm khác nhau; các HS trong nhóm trao đổi, giúp đỡ và cùng nhau phối hợp thực hiện, hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm. Tùy mục đích, yêu cầu của vấn đề học tập, các nhóm có quy mô nhỏ (2, 3 HS) hay trung bình (4 đến 6 HS), được phân chia ngẫu nhiên hay có chủ định, được duy trì ổn định hay thay đổi trong từng phần của tiết học, được giao cùng một nhiệm vụ hay những nhiệm vụ khác nhau.

Trong thảo luận nhóm, sự tương tác trực tiếp giữa các HS được tăng cường; các cá nhân được tự do bày tỏ, chia sẻ ý kiến, hình thành nhận thức chung từ những quan điểm cá nhân, tạo thói quen sinh hoạt bình đẳng, biết tiếp thu những ý kiến tích cực, biết đón nhận những ý kiến bất đồng,... Kết quả làm việc của mỗi nhóm sẽ đóng góp vào kết quả học tập chung của cả lớp. Để trình bày kết quả làm việc của nhóm trước toàn lớp, nhóm có thể cử ra một đại diện hoặc phân công mỗi thành viên trình bày một phần nếu nhiệm vụ giao cho nhóm là khá phức tạp.

Ví dụ: Bài 6. *Em giữ lời hứa*

Luyện tập

1. Em đồng tình hay không đồng tình với việc làm của bạn nào? Vì sao?

• Tình huống 1:



• Tình huống 2:



• Tình huống 3:



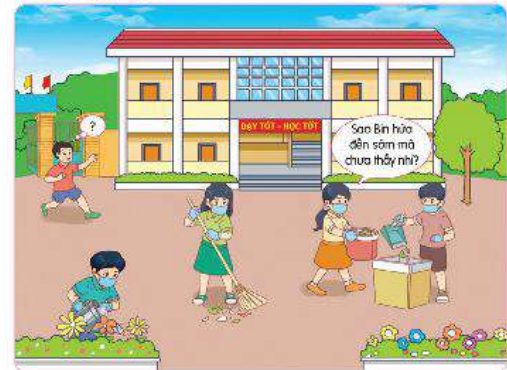
31

• Tình huống 4:



2. Xử lý tình huống

• Tình huống 1:



Nếu là Bin, em sẽ làm gì?

32

Khi tiến hành hoạt động này:

– GV có thể tổ chức cho HS làm việc theo nhóm đôi. Mỗi nhóm quan sát tranh, liên kết nội dung các tranh và đưa ra nhận xét về lời nói, việc làm của các nhân vật trong tranh.

– Để giúp HS luyện tập thuận lợi, GV có thể đưa ra những câu hỏi gợi ý như:

+ *Bạn Tin đã nói gì với thầy giáo?*

+ *Lời nói, việc làm của bạn Tin có phải là biểu hiện giữ chữ tín hay không? Vì sao?*

+ *Bạn Cốm đã nói gì với bạn Na?*

+ *Em đồng tình hay không đồng tình việc làm của bạn Cốm?*

+ *Em thấy mình có nên làm những việc như bạn Cốm không?*

+ v.v.

– GV cho các nhóm báo cáo kết quả luyện tập theo các hình thức khác nhau: trả lời miệng, sắm vai... Sau đó GV nhận xét và sơ kết hoạt động.

2.3. Phương pháp sắm vai

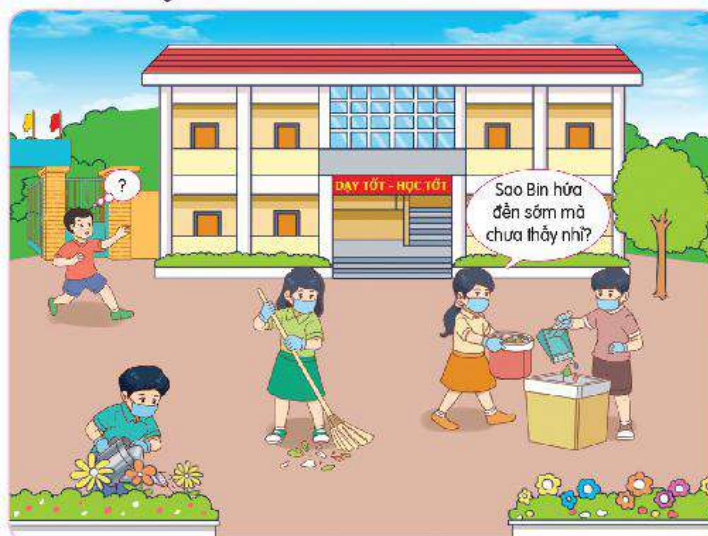
Sắm vai là phương pháp tổ chức cho HS trình bày những suy nghĩ, cảm nhận và ứng xử theo một “vai giả định” nhằm giúp HS suy nghĩ sâu sắc về một vấn đề bằng cách đứng từ chỗ đứng, góc nhìn của người trong cuộc, tập trung vào một sự kiện cụ thể mà các em quan sát được từ vai của mình; qua đó khích lệ sự thay đổi thái độ, hành vi của HS theo hướng tích cực.

Trong SGK Đạo đức 3, phương pháp sắm vai được vận dụng linh hoạt và đa dạng để giải quyết các yêu cầu, nhiệm vụ khác nhau. GV có thể yêu cầu HS sắm vai để thực hành một cách ứng xử trong tình huống giả định gần gũi với thực tế.

Ví dụ: Bài 6. *Em giữ lời hứa*

2. Xử lý tình huống

• *Tình huống 1:*



Nếu là Bin, em sẽ làm gì?

32

Khi tiến hành hoạt động này:

– GV có thể tổ chức cho HS làm việc theo nhóm 4 và cho các em sắm vai xử lý tình huống (1 HS sắm vai Bin, 1 HS sắm vai Na, 1 HS sắm vai Tin; 1 HS quan sát, nhận xét,

góp ý; sau đó đổi ngược lại: 1 HS đã sắm vai sẽ quan sát, nhận xét, góp ý; 2 HS đã quan sát, nhận xét, góp ý sẽ sắm vai).

– GV cho HS quan sát tranh để nắm được nội dung tình huống; sau đó GV gợi ý để các nhóm phân tích, xử lý tình huống qua hình thức sắm vai.

Gợi ý:

+ *Bin đang nói gì?*

+ *Nếu là Bin, em sẽ nói gì trong tình huống đó?*

– GV mời 1 nhóm thể hiện cách xử lý của nhóm mình, các nhóm khác góp ý, bổ sung. Sau đó GV mời thêm 1, 2 nhóm có cách xử lý khác lên thể hiện.

– GV tổ chức cho cả lớp trao đổi, thảo luận về những cách xử lý mà các nhóm vừa thể hiện; sơ kết và dẫn dắt sang hoạt động sau.

IV. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP ĐẠO ĐỨC 3

Ngày 4/9/2020, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT về *Quy định đánh giá học sinh tiểu học*; theo đó: “Đánh giá HS tiểu học là quá trình thu thập, xử lý thông tin thông qua các hoạt động quan sát, theo dõi, trao đổi, kiểm tra, nhận xét quá trình học tập, rèn luyện của HS; tư vấn, hướng dẫn, động viên HS; diễn giải thông tin định tính hoặc định lượng về kết quả học tập, rèn luyện, sự hình thành và phát triển một số phẩm chất, năng lực của HS tiểu học”.

Đối với môn Đạo đức, việc đánh giá cần lưu ý những yêu cầu sau:

– Đánh giá các phẩm chất *yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực và trách nhiệm* của HS chủ yếu là bằng định tính, thông qua quan sát, ghi chép, nhận xét về hành vi, cách ứng xử, các biểu hiện về thái độ, tình cảm của HS khi đọc, viết, nói và nghe văn bản.

– Đánh giá các *năng lực chung và năng lực đặc thù* là đánh giá sự kết hợp cả ba yếu tố kiến thức, kĩ năng, thái độ trong thực hiện hành vi ứng xử về đạo đức, kĩ năng sống, kinh tế, pháp luật theo yêu cầu cần đạt về năng lực thông qua sản phẩm và quá trình học tập, rèn luyện của HS, gọi chung là sản phẩm đầu ra. Sản phẩm đầu ra này là các câu trả lời, các bài tập, bài nghiên cứu, bài viết, các tư liệu HS thu thập được, các tranh vẽ, kịch bản, clip,... mà HS thực hiện được và thái độ, hành vi ứng xử của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập trên lớp, hoạt động nhóm, tập thể hay cộng đồng cũng như trong sinh hoạt và giao tiếp hằng ngày.

– Khi đánh giá thông qua các nhiệm vụ học tập, công cụ đánh giá có thể là bài kiểm tra dưới dạng trắc nghiệm, vấn đáp hoặc tự luận, bài tập thực hành, sản phẩm,...) đảm bảo tính vừa sức, phù hợp với đặc điểm nhận thức của HS.

– Đánh giá thông qua các nhiệm vụ học tập cần kết hợp với đánh giá thông qua quan sát biểu hiện về thái độ, hành vi ứng xử của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập được tổ chức trên lớp học, hoạt động nhóm, hoạt động tập thể.

– Đánh giá quá trình học tập trên lớp cần kết hợp với đánh giá thông qua quan sát biểu hiện về thái độ, hành vi ứng xử của HS trong quá trình sinh hoạt ở nhà và tham gia các hoạt động cộng đồng.

– Kết quả đánh giá toàn diện HS phải là sự kết hợp của các loại hình đánh giá: GV đánh giá, HS tự đánh giá bản thân, HS đánh giá lẫn nhau, phụ huynh đánh giá con em,...; trong đó đánh giá của GV là quan trọng nhất.

V. HƯỚNG DẪN KHAI THÁC, SỬ DỤNG NGUỒN TÀI NGUYÊN SÁCH VÀ CÁC HỌC LIỆU ĐIỆN TỬ CỦA NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

1. Cam kết hỗ trợ giáo viên, cán bộ quản lý trong việc sử dụng tài nguyên sách và học liệu điện tử

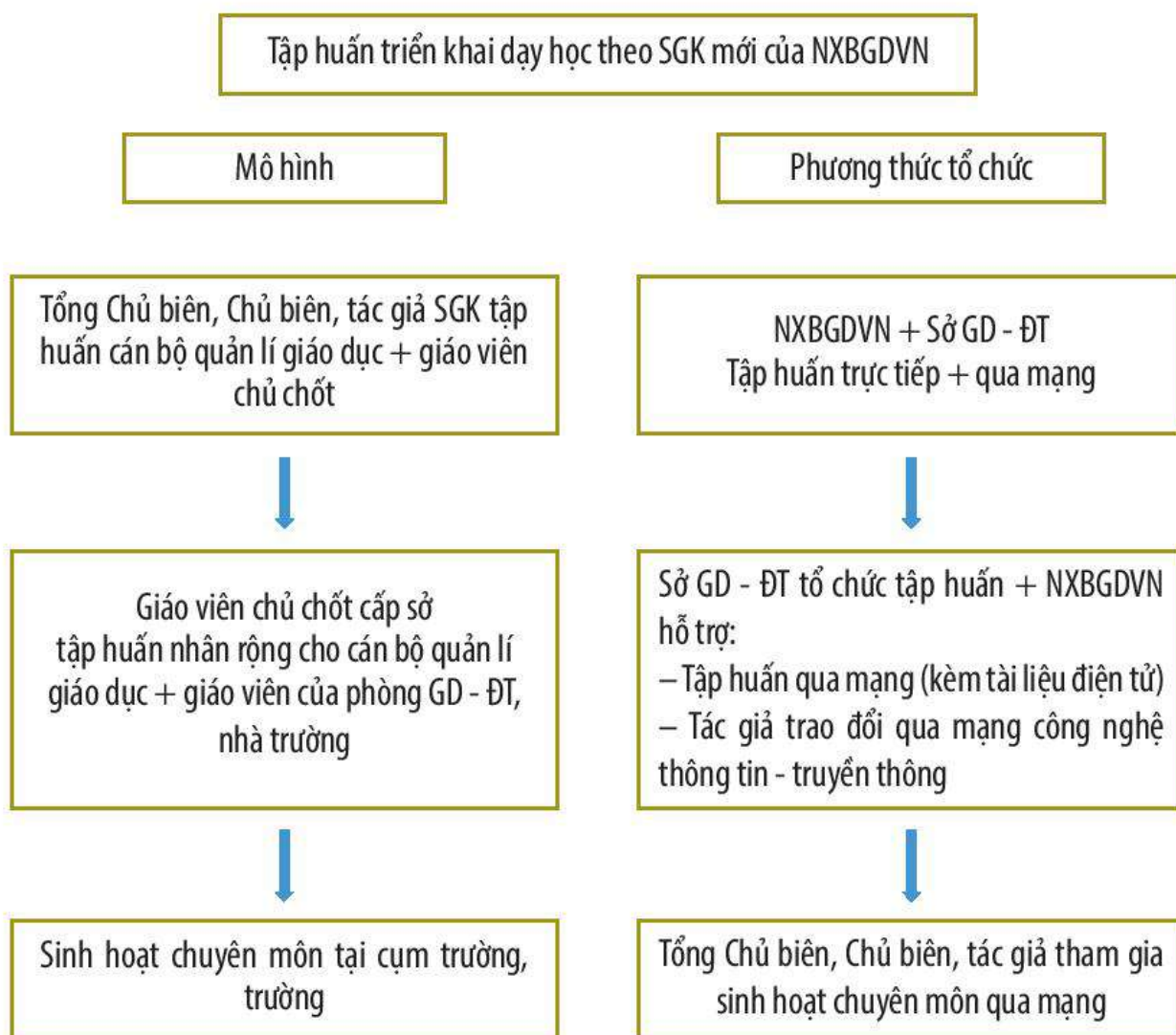
SGK Đạo đức 3 (bộ sách *Chân trời sáng tạo*) là sản phẩm của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (NXBGDVN), được biên soạn dưới sự chỉ đạo trực tiếp của NXBGDVN. Vì vậy, khi sử dụng SGK này, NXBGDVN đảm bảo GV và cán bộ quản lý sẽ có điều kiện tiếp cận với một nguồn tài nguyên đồ sộ, đa dạng, phong phú (gồm sách tham khảo, tranh ảnh, đồ dùng dạy học,...) và nhiều học liệu điện tử do các đơn vị thành viên của NXBGDVN tổ chức biên soạn, thiết kế.

Nguồn tài nguyên và học liệu điện tử này đảm bảo ở mức cao nhất cơ sở dữ liệu để GV, cán bộ quản lý ở tất cả các trường tiểu học trong cả nước tham khảo, từ đó chọn lọc được những dữ liệu thích hợp nhất đối với việc dạy học môn Đạo đức ở lớp 3.

Trong quá trình dạy học, GV hoàn toàn có thể, trên cơ sở của SGK Đạo đức 3, khai thác và sử dụng nguồn tài nguyên của NXBGDVN để xây dựng các tình huống, sử dụng các tranh ảnh, video clip, mở rộng hoặc làm mới nội dung bài học bằng những mẫu chuyện đạo đức, thiết kế các hoạt động trải nghiệm v.v. phù hợp với mục tiêu từng bài học để quá trình dạy học thực sự là quá trình tích hợp, huy động kiến thức từ nhiều nguồn khác nhau; đồng thời quá trình dạy học cũng là quá trình phát triển năng lực, nghiệp vụ sư phạm cho GV.

Cùng với các hoạt động tập huấn trực tiếp, NXBGDVN phát triển hệ thống tập huấn qua mạng (taphuan.nxbgd.vn) để đảm bảo cho tất cả GV, cán bộ quản lý giáo dục được tiếp cận trực tiếp bài giảng, giải đáp của chính Tổng Chủ biên, Chủ biên, tác giả SGK, qua đó tiếp nhận đầy đủ và có thể vận dụng sáng tạo ý tưởng, nội dung, phương pháp, cách tổ chức dạy học của SGK mới lớp 3 vào dạy học, quản lý dạy học tại địa phương.

a) Mô hình, phương thức tổ chức tập huấn



b) Các học liệu, tiện ích của hệ thống tập huấn qua mạng

- Tài liệu tập huấn tổ chức thực hiện dạy học theo SGK mới.
- Các video giới thiệu tổng quan bộ sách; minh họa tiết học; phân tích những đặc trưng, điểm nổi bật về cấu trúc sách, nội dung, phương pháp, cách tổ chức dạy học theo từng môn học, hoạt động giáo dục.
- Bộ giải đáp câu hỏi thường gặp được tổng hợp, biên tập từ những đợt hội thảo, tập huấn GV, cán bộ quản lý giáo dục triển khai dạy học theo SGK mới lớp 3 của bộ sách *Chân trời sáng tạo* thuộc NXBGDVN.
- Câu hỏi, bài tập kiểm tra, đánh giá kết quả tập huấn qua mạng.
- Bộ các công cụ tiện ích để cán bộ quản lý giáo dục, GV trao đổi với Tổng Chủ biên, Chủ biên, tác giả, biên tập viên SGK mới của NXBGDVN và trao đổi kinh nghiệm triển khai dạy học với đồng nghiệp trên toàn quốc.

- Hướng dẫn sử dụng hệ thống tập huấn qua mạng để tự học, tự bồi dưỡng và để tổ chức tập huấn GV của sở, phòng giáo dục – đào tạo, sinh hoạt chuyên môn cụm trường, trường.

c) Lợi ích đối với cơ sở giáo dục, cán bộ quản lý giáo dục, GV

- SGK do chính Tổng Chủ biên, Chủ biên, tác giả SGK tập huấn, hỗ trợ nên cán bộ quản lý giáo dục, GV được tiếp thu nguyên mẫu, trao đổi, chia sẻ trực tiếp.

- Hệ thống tập huấn qua mạng luôn được cập nhật và hoạt động 24/7 nên cán bộ quản lý giáo dục, GV (kể cả những người được bổ nhiệm, tuyển dụng sau tập huấn triển khai SGK mới) có thể thường xuyên truy cập, cập nhật thông tin, tự học, tự bồi dưỡng.

- Kết xuất các báo cáo, thống kê, phân tích kết quả tập huấn cho các cấp quản lý sở, phòng, cơ sở giáo dục.

2. Giới thiệu về hệ thống sách điện tử (hanhtrangso.nxbgd.vn)

Cùng với việc xuất bản SGK giấy, NXBGDVN còn tổ chức xuất bản SGK điện tử. Trên cơ sở ứng dụng những thành tựu mới nhất của công nghệ thông tin, SGK điện tử của NXBGDVN có những ưu điểm sau:

a) Tích hợp và mở rộng

SGK điện tử lớp 3 là phiên bản điện tử của SGK lớp 3 được tích hợp và mở rộng các nội dung liên quan:

- Các học liệu kèm theo SGK như các tệp âm thanh, hình ảnh, clip, video,...;
- Hướng dẫn sử dụng thiết bị dạy học cần thiết để dạy học theo SGK;
- Sách bổ trợ, sách GV;
- Hướng dẫn trả lời câu hỏi, bài tập, hình ảnh, video, để kiểm tra và đáp án, thí nghiệm số hoá, bài elearning, giáo án, bài giảng;
- Hỏi đáp, tương tác với Tổng Chủ biên, Chủ biên, tác giả, biên tập viên của SGK và các đơn vị, cá nhân liên quan của NXBGDVN;
- Trao đổi, thảo luận qua mạng với cộng đồng người dùng sách;
- Tự học qua mạng;
- SGK điện tử được thực hiện tích hợp truyền thông đa phương tiện, liên thông nội dung SGK với các nguồn thông tin điện tử có liên quan;
- SGK điện tử "động hoá" được các thông tin từ kênh hình, các cơ chế, quá trình; kết hợp được kênh thông tin khác nhau như hình ảnh, âm thanh, chữ trong việc thể hiện nội dung kiến thức; linh hoạt trong việc bổ sung, hoàn thiện kiến thức.

b) Cập nhật, phát triển không ngừng

Phiên bản điện tử của SGK luôn là phiên bản mới nhất, được cập nhật thường xuyên để:

- Không ngừng hoàn thiện, bổ sung, mở rộng những chức năng nâng cao của hệ thống.
- Không ngừng hoàn thiện, mở rộng, nâng cao nội dung sách, học liệu.

c) Công nghệ

– Hệ thống sách điện tử cho phép chạy trên nền web, sử dụng các trình duyệt phổ biến như IE, FireFox, Chrome; thiết bị sử dụng là máy tính cá nhân, máy tính bảng và điện thoại thông minh.

– Hệ thống thân thiện, đơn giản, dễ dùng cho mọi đối tượng ở các vùng miền có điều kiện khác nhau trên toàn quốc.

- Có giải pháp chạy offline cho những nơi chưa có hoặc hạn chế về Internet.

d) Dịch vụ hỗ trợ 24/7

– Tập hợp câu hỏi của người dùng để tạo thành tập hợp những câu hỏi/trả lời thường xuyên (Q&A).

- Theo dõi quá trình học tập, sử dụng của người dùng trên hệ thống.

– Quản lý người dùng, kết xuất thống kê, báo cáo hỗ trợ công tác quản lý của các cơ quan quản lý giáo dục.

VI. KHAI THÁC THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU TRONG DẠY HỌC

Chương trình môn Giáo dục công dân 2018 định hướng: “Ngoài các điều kiện thực hiện chương trình giáo dục phổ thông nêu trong Chương trình tổng thể, môn Giáo dục công dân cần được trang bị các tư liệu, phương tiện, đồ dùng dạy học phù hợp với đặc trưng của môn học và điều kiện thực tế như: tranh, ảnh, băng, đĩa, sách và tài liệu tham khảo có nội dung giáo dục về đạo đức, kĩ năng sống, kinh tế và pháp luật; máy chiếu; ti vi;...”.

Ngày 30/12/2021, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Thông tư 37/2021/TT-BGDĐT về danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Tiểu học, trong đó có danh mục thiết bị dạy học tối thiểu môn Đạo đức ở lớp 3. Để khai thác thiết bị và học liệu một cách hiệu quả, GV và cán bộ quản lý cần lưu ý một số vấn đề sau:

- Coi trọng việc sử dụng phương tiện, thiết bị dạy học để hỗ trợ quá trình nhận thức trực quan, cảm tính của HS nhưng phải sử dụng đúng lúc, đúng chỗ, thực sự có hiệu quả, tránh hình thức, tránh lạm dụng gây phản tác dụng đối với người học, làm giảm hiệu quả của quá trình dạy học. Trong quá trình khai thác và sử dụng thiết bị,

học liệu, GV cần cân nhắc, tính toán cụ thể liều lượng, mức độ sao cho các thiết bị và học liệu góp phần làm cho giờ học thêm sinh động, hấp dẫn chứ không sử dụng tràn lan, quá mức khiến giờ học bị nhiễu, không đảm bảo thực hiện được mục tiêu bài học.

– Tạo điều kiện để HS thực sự được thực hành, thao tác trên các phương tiện, thiết bị dạy học. GV không nên lạm dụng việc thuyết giảng và làm mẫu trên bộ đồ dùng dạy học của GV, biến HS thành những “quan sát viên” mà nên tạo điều kiện để HS thực hành, thao tác trực tiếp trên phương tiện, thiết bị dạy học (quan sát, lựa chọn,...), qua đó giúp HS trải nghiệm, khám phá, phát hiện kiến thức một cách chủ động, tích cực; rèn luyện kỹ năng tìm tòi, giải quyết vấn đề sáng tạo, góp phần phát triển “năng lực điều chỉnh hành vi, năng lực phát triển bản thân”.

– Khuyến khích sử dụng các phương tiện nghe nhìn, phương tiện kỹ thuật hiện đại hỗ trợ quá trình dạy học, đồng thời coi trọng việc sử dụng các phương tiện truyền thống, phương tiện trực quan thao tác được (những phương tiện có thể trực tiếp cầm, nắm, sắp xếp, dịch chuyển) để giúp việc học trở nên trực quan, hứng thú, tích cực hơn, tiết kiệm thời gian hơn.

– Động viên, khuyến khích HS phát triển hoạt động tự làm các thiết bị dạy học phù hợp để một mặt bổ sung kịp thời các phương tiện, thiết bị dạy học, đặc biệt là thiết bị học tập cá nhân; mặt khác góp phần thực hiện mục tiêu phát triển toàn diện về phẩm chất và năng lực cho HS.

– Trong dạy học cần kết hợp, phối hợp sử dụng các dạng, loại thiết bị dạy học (thiết bị truyền thống và hiện đại, thiết bị quan sát và thực hành, thiết bị thực và ảo, thiết bị được cung cấp và tự làm). Tùy vào nội dung bài học, phương pháp dạy học mà có thể kết hợp sử dụng các loại hình thiết bị dạy học với nhau và phối hợp chúng một cách hợp lý, khoa học, sinh động.

– Tùy theo điều kiện của từng trường, từng nội dung dạy học cụ thể mà GV có thể lựa chọn một số mô hình, hoặc sử dụng phần mềm xây dựng một số hình ảnh trực quan hỗ trợ dạy học.

PHẦN HAI

GỢI Ý, HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC MỘT SỐ BÀI HỌC

Xét dưới góc độ tổ chức dạy học, các bài học trong SGK Đạo đức 3 có thể quy về các dạng sau: dạng bài giáo dục đạo đức – giáo dục pháp luật và dạng bài giáo dục kỹ năng sống. Mỗi dạng bài có cách thức tổ chức hoạt động dạy học riêng. Sau đây là hướng dẫn dạy học cho từng dạng bài cụ thể.

I. HƯỚNG DẪN DẠY HỌC DẠNG BÀI GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC – GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

1. Hướng dẫn tổ chức dạy học

1.1. Giai đoạn Khởi động

GV tổ chức hoạt động Khởi động, yêu cầu HS khai thác kinh nghiệm, khơi gợi cảm xúc đạo đức của các em về vấn đề thực tiễn liên quan đến chuẩn mực hành vi đạo đức. Hoạt động này giúp HS nhận ra chuẩn mực hành vi cần hình thành, từ đó thúc đẩy việc tìm hiểu và suy nghĩ về các biểu hiện cụ thể của hành vi đạo đức trong những hoạt động tiếp theo. Nghiên cứu khoa học và thực tiễn cho thấy, việc giáo dục đạo đức phải xuất phát từ cảm xúc đạo đức, khơi dậy lương tri trong mỗi con người thì mới đạt hiệu quả giáo dục.

Câu hỏi đặt ra cho HS trong giai đoạn này hướng tới khai thác, khơi dậy cảm xúc đạo đức trong lương tri của các em, thường là:

- Em cảm thấy thế nào về...?
- Cảm xúc của em sau khi nghe/xem... thế nào?

1.2. Giai đoạn Kiến tạo tri thức mới

GV tổ chức hoạt động Kiến tạo tri thức mới, từng bước yêu cầu HS đưa ra ý kiến, phán đoán, nhận xét về những hành động có thể xảy ra trong các tình huống và quyết định hành động nào là phù hợp với chuẩn mực hành vi đạo đức nhất, từng bước hình thành tư duy phản biện về các hành vi đạo đức. Từ đó, HS nhận diện được các biểu hiện cụ thể của chuẩn mực hành vi đạo đức và hiểu được sự cần thiết của việc thực

hiện hành vi phù hợp chuẩn mực đạo đức, hoặc bày tỏ thái độ (đồng tình/không đồng tình) trong cuộc sống hằng ngày.

Câu hỏi đặt ra cho HS trong giai đoạn này định hướng cho HS suy nghĩ, phán đoán về nguyên nhân, kết quả của những hành vi đạo đức, từ đó nêu ra những việc cần phải làm, nên làm, thường là:

- *Điều gì sẽ xảy ra nếu em không/thực hiện...?*
- *Vì sao em phải/không được...?*
- *Những việc em nên/cần phải làm là gì?*

1.3. Giai đoạn Luyện tập

Trên cơ sở nhận thức rõ được nguyên nhân, kết quả, việc nên làm, giai đoạn này, GV tổ chức cho HS sử dụng kinh nghiệm, kiến thức, kĩ năng đã được kiến tạo ở hoạt động trước vào các tình huống cụ thể, bước đầu xác định được hành động phù hợp với chuẩn mực hành vi đạo đức. Hoạt động Luyện tập cần thể hiện được động cơ đạo đức được thúc đẩy từ bên trong lương tâm của HS, các em thực hành đưa ra những lựa chọn của bản thân khi phải cân nhắc giữa việc ưu tiên các hành động đạo đức với những mục tiêu và nhu cầu khác nhau. GV tổ chức cho HS thực hành, luyện tập lựa chọn hành vi ứng xử phù hợp với những tình huống đạo đức có thực hoặc giả định.

1.4. Giai đoạn Vận dụng

GV tổ chức cho HS thực hiện các hành động đạo đức bằng cách vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết các tình huống đạo đức trong thực tiễn (bao gồm cả việc rèn luyện sau giờ học) bất kể những trở ngại và khó khăn nào. Hoạt động này giúp HS hình thành và rèn luyện thói quen thực hiện hành vi đạo đức phù hợp với chuẩn mực trong cuộc sống hằng ngày.

2. Ví dụ minh họa

Bài 2: AN TOÀN KHI ĐI TRÊN CÁC PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG

Mục tiêu

- Nêu được một số quy tắc an toàn thường gặp khi đi trên các phương tiện giao thông;
- Nhận biết được sự cần thiết phải tuân thủ quy tắc an toàn khi đi trên các phương tiện giao thông;
- Tuân thủ quy tắc an toàn khi đi trên các phương tiện giao thông phù hợp với lứa tuổi;
- Đồng tình với những hành vi tuân thủ quy tắc an toàn khi đi trên các phương tiện giao thông; không đồng tình với những hành vi vi phạm quy tắc an toàn khi đi trên các phương tiện giao thông.

Khởi động

1. Kể tên các phương tiện giao thông mà em biết.
2. Em đã tham gia phương tiện giao thông nào?

Kiến tạo tri thức mới

1. Quan sát tranh và nêu một số quy tắc an toàn khi đi trên các phương tiện giao thông





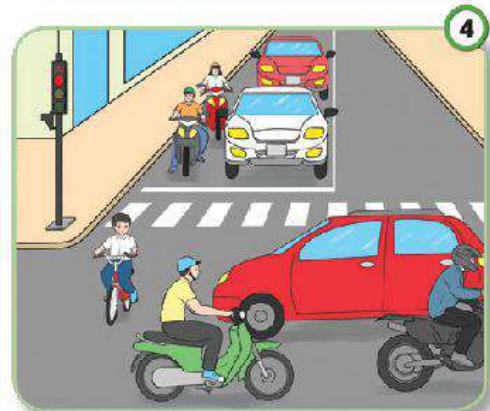
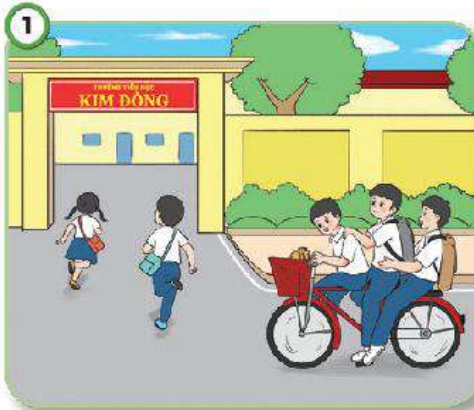
2. Nêu những điều có thể xảy ra với việc làm của các bạn trong tranh



Vì sao cần tuân thủ quy tắc an toàn khi đi trên các phương tiện giao thông?

Luyện tập

1. Em đồng tình hay không đồng tình với hành vi nào dưới đây? Vì sao?



2. Xử lý tình huống

• Tình huống 1:

Chị hàng xóm rủ Na đi xuống đến chợ nổi. Na nhắc chị đưa áo phao để mặc nhưng chị bảo: “Không cần đâu em, chợ gần nhà mà!”

Nếu là Na, em sẽ làm gì?

• Tình huống 2:

Trên đường đi học, lúc dừng đèn đỏ, em nhìn thấy Bin được mẹ chở đi học bằng xe máy. Bin đội mũ bảo hiểm nhưng không cài quai.

Em sẽ nhắc nhở Bin như thế nào?

• Tình huống 3:

Trên xe buýt, em thấy Tin định mở cửa sổ để thò đầu ra ngắm cảnh.

Em sẽ làm gì?

Vận dụng

1. Chia sẻ về việc em tuân thủ quy tắc an toàn khi đi trên các phương tiện giao thông.

2. Nhắc nhở người thân, bạn bè đảm bảo an toàn trong các trường hợp:

- Bố, mẹ sắp đi máy bay.
- Anh, chị đang vội đi làm bằng xe máy.
- Các bạn tự đi đến trường bằng xe đạp.

3. Tuân thủ quy tắc an toàn khi đi trên các phương tiện giao thông.

*Đường gần cho đến đường xa
Đường sắt, đường thủy hay là đường không
Tuân thủ quy tắc giao thông
Tự tin vui bước, em không sợ gì.*

GỢI Ý TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Với bài này, HS:

- *Nêu được một số quy tắc an toàn thường gặp khi đi trên các phương tiện giao thông;*
- *Nhận biết được sự cần thiết phải tuân thủ quy tắc an toàn khi đi trên các phương tiện giao thông;*
- *Tuân thủ quy tắc an toàn khi đi trên các phương tiện giao thông phù hợp với lứa tuổi;*
- *Đồng tình với những hành vi tuân thủ quy tắc an toàn khi đi trên các phương tiện giao thông; không đồng tình với những hành vi vi phạm quy tắc an toàn khi đi trên các phương tiện giao thông.*

Bài học này góp phần hình thành và phát triển cho HS:

1. Phẩm chất

Trách nhiệm: Thể hiện qua việc chủ động tuân thủ các quy tắc an toàn khi đi trên các phương tiện giao thông.

2. Năng lực

Năng lực chung

- *Năng tự chủ và tự học:* Nhận ra được tình huống không an toàn khi đi trên các phương tiện giao thông.
- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Đưa ra ý kiến và sắm vai để giải quyết tình huống.

Năng lực đặc thù

- *Năng lực điều chỉnh hành vi:*

Năng lực nhận thức chuẩn mực hành vi	– <i>Nêu được một số quy tắc an toàn giao thông khi đi trên các phương tiện giao thông.</i> – <i>Nhận biết được sự cần thiết phải tuân thủ quy tắc an toàn giao thông khi đi trên các phương tiện giao thông.</i>
Năng lực đánh giá hành vi của bản thân và người khác	– <i>Đồng tình với những hành vi tuân thủ quy tắc an toàn giao thông; không đồng tình với những hành vi vi phạm quy tắc an toàn giao thông khi đi trên các phương tiện giao thông.</i>

Năng lực điều chỉnh hành vi

Tuân thủ quy tắc an toàn giao thông khi đi trên các phương tiện giao thông phù hợp với lứa tuổi.

II. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên: SGK Đạo đức 3, Vở bài tập Đạo đức 3, bài giảng điện tử, máy tính, máy chiếu (nếu có), tranh ảnh về các phương tiện giao thông phổ biến, tình huống, tư liệu liên quan đến việc tham gia giao thông trên các phương tiện giao thông.

2. Học sinh: SGK Đạo đức 3, Vở bài tập Đạo đức 3 (nếu có), tình huống có liên quan đến bài học,...

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

KHỞ ĐỘNG

Hoạt động 1: Kể tên các phương tiện giao thông mà em biết

a. Mục tiêu

Khai thác kinh nghiệm, sự hiểu biết của HS về các phương tiện giao thông phổ biến.

b. Tổ chức thực hiện

1. GV cho HS quan sát tranh, đặt câu hỏi để HS trả lời:

- Bức tranh có các phương tiện giao thông nào?
- Em biết gì về phương tiện giao thông này?

GV có thể đặt thêm câu hỏi: *Em thích loại phương tiện giao thông nào? Tại sao?*

Hoạt động 2: Em đã tham gia phương tiện giao thông nào?

a. Mục tiêu

HS chia sẻ được trải nghiệm của bản thân về:

- Các phương tiện giao thông đã được đi.
- Nêu cảm nhận của HS khi tham gia giao thông bằng các phương tiện đó.

b. Tổ chức thực hiện

1. GV gọi một số HS trả lời câu hỏi: *Em đã từng được đi trên những phương tiện giao thông nào?*

2. GV nhận xét câu trả lời của HS và tổ chức cho HS làm việc theo nhóm đôi để chia sẻ trải nghiệm của HS:

– *Em hãy kể một tình huống tuân thủ hoặc không tuân thủ quy tắc an toàn khi đi trên phương tiện giao thông đó.*

– Cảm nhận của em trong tình huống đó như thế nào?

3. GV mời một số HS chia sẻ về tình huống của mình trước lớp. GV có thể sử dụng trò chơi *Chuyển bóng* hoặc *Xi điện* để HS chia sẻ.

4. GV tổ chức cho HS trao đổi: *Để không rơi vào những tình huống tương tự, em cần phải làm gì?*

5. GV tổng kết và dẫn dắt sang hoạt động sau: *Việc tuân thủ các quy tắc an toàn khi đi trên các phương tiện giao thông là rất cần thiết. Vậy, cần làm gì và làm như thế nào để tuân thủ các quy tắc đó? Chúng ta cùng tìm hiểu trong bài học hôm nay nhé!*

KIẾN TẠO TRI THỨC MỚI

Hoạt động 3: Quan sát tranh và nêu một số quy tắc an toàn khi đi trên các phương tiện giao thông

a. Mục tiêu

HS nhận biết được một số quy tắc an toàn thường gặp khi đi trên các phương tiện giao thông.

b. Tổ chức thực hiện

1. GV mời 1 – 2 HS nhắc lại yêu cầu của hoạt động và yêu cầu HS chỉ ra được những hành vi an toàn hoặc không an toàn được thể hiện trong 6 tranh trang 10 – 11 SGK.

2. GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm, yêu cầu các em quan sát 6 tranh trong SGK và nêu được quy tắc an toàn khi đi trên các phương tiện giao thông. GV có thể tổ chức thành trò chơi để HS tham gia nhận diện và khái quát thành quy tắc. *Chú ý:* Đây là bài học trong mạch nội dung pháp luật, có nghĩa là các quy tắc đưa ra yêu cầu phải tuân theo. Biểu tượng đèn xanh tượng trưng cho những hành vi được phép hoặc cần phải thực hiện; biểu tượng đèn đỏ tượng trưng cho những hành vi bị nghiêm cấm thực hiện.

3. GV mời một số HS đại diện các nhóm lên đọc quy tắc do nhóm vừa khái quát được. GV có thể giúp các em ghi lại các quy tắc đó lên bảng. Các quy tắc đó là:

Hành vi cần thực hiện	Hành vi nghiêm cấm thực hiện
Đội mũ bảo hiểm khi đi xe máy, xe đạp điện.	Cấm thò đầu, tay,... ra ngoài cửa khi xe đang chạy.
Mặc áo phao khi đi trên tàu, thuyền,...	Cấm mở cửa máy bay khi không được phép.
Đi xe đúng phần đường quy định	Cấm chen lấn, xô đẩy khi lên xe buýt.

GV có thể mở rộng thêm một số quy tắc như:

Cài dây an toàn khi đi trên ô tô, máy bay,...	Cấm đùa nghịch, leo trèo trên boong tàu, thuyền,...
Chỉ xuống khi xe đã dừng đỗ.	...

GV khai thác thêm trong *Vở bài tập Đạo đức 3*.

4. GV tổng kết và chuyển tiếp sang hoạt động sau.

Hoạt động 4: Nêu những điều có thể xảy ra với việc làm của các bạn trong tranh

a. Mục tiêu

- Tìm hiểu những việc làm có thể gây nguy hiểm khi đi trên các phương tiện giao thông.
- Nêu được lợi ích, hậu quả của việc tuân thủ quy tắc hoặc không tuân thủ quy tắc an toàn khi đi trên các phương tiện giao thông.

b. Tổ chức thực hiện

1. GV tổ chức cho HS làm việc nhóm, thảo luận về những điều có thể xảy ra đối với các bạn trong 5 tranh cuối trang 11 SGK.

2. GV tổ chức cho các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.

– *Tranh 1*: Một bạn HS đang đứng trên đầu một bạn khác khi xe buýt đang di chuyển. Bạn HS đó có thể bị ngã và bị thương bất cứ lúc nào, chẳng hạn khi xe phanh gấp, dừng đỗ,...

– *Tranh 2*: Một bạn HS đang đứng trên ghế máy bay. Đây là hành vi bị cấm khi đi trên máy bay. Bạn đó có thể bị ngã, rơi khỏi ghế mỗi khi máy bay bị sóc hoặc khi cất cánh, hạ cánh.

– *Tranh 3*: Một bạn HS đang ngồi sau xe máy, dùng ô để che mưa. Đây là hành vi rất nguy hiểm, bị pháp luật cấm vì không những gây nguy hiểm cho bản thân, người thân (bị ngã) mà còn gây nguy hiểm cho những người tham gia giao thông khác (bị ô bay trúng người, che khuất tầm nhìn của người đi sau,...).

– *Tranh 4*: Một bạn HS đang đứng trên thuyền và cởi áo phao. Hành vi này cũng bị cấm. Bạn HS đó có thể bị ngã xuống nước, nếu không có áo phao có thể bị đuối nước. Khi đứng lên, bạn đó còn có thể làm khuất tầm nhìn của người chèo thuyền, hoặc làm thuyền mất thăng bằng, chòng chành, dẫn đến thuyền bị lật,...

– *Tranh 5*: 3 bạn HS đi xe đạp dàn hàng ngang, gây cản trở các phương tiện đang tham gia giao thông phía sau.

GV cho HS nhận diện thêm một số quy tắc an toàn khi tham gia giao thông trong *Vở bài tập Đạo đức 3*.

3. GV nhận xét các ý kiến phát biểu, tổng kết lại những nguy hiểm có thể xảy ra khi

không tuân thủ các quy tắc an toàn giao thông và yêu cầu HS khái quát, tổng kết các lí do: *Vì sao cần tuân thủ quy tắc an toàn khi đi trên các phương tiện giao thông?* nhằm giúp HS nêu được lợi ích, hậu quả của việc tuân thủ quy tắc hoặc không tuân thủ quy tắc an toàn.

- GV tổ chức cho HS làm việc nhóm, thảo luận về những lợi ích, hậu quả của việc tuân thủ/ không tuân thủ các quy tắc an toàn khi đi trên các phương tiện giao thông.
- GV tổ chức cho các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.
- GV nhận xét các ý kiến phát biểu, tổng kết lại những lợi ích, hậu quả của việc tuân thủ/ không tuân thủ các quy tắc an toàn khi đi trên các phương tiện giao thông và dẫn dắt chuyển sang hoạt động sau.

LUYỆN TẬP

Hoạt động 5: Em đồng tình hay không đồng tình với hành vi nào dưới đây? Vì sao?

a. Mục tiêu

HS thể hiện được thái độ trước những hành vi tuân thủ hoặc không tuân thủ quy tắc an toàn khi đi trên các phương tiện giao thông.

b. Tổ chức thực hiện

1. GV tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm đôi và nêu thái độ đối với từng tình huống thể hiện trong các tranh trang 12 SGK.

2. GV gợi ý cho HS bày tỏ thái độ theo từng tình huống:

– Các nhân vật trong tranh đã có hành vi vi phạm quy tắc giao thông nào?

– Em đồng tình hay không đồng tình với hành vi của các nhân vật đó? Vì sao?

+ *Tranh 1:* Ba bạn HS cùng đi trên một chiếc xe đạp, gây nguy hiểm cho bản thân và người tham gia giao thông khác. (Không đồng tình)

+ *Tranh 2:* Các bạn HS đang xếp hàng, lên xe buýt theo sự hướng dẫn của GV. (Đồng tình)

+ *Tranh 3:* Các bạn HS đang đi trên thuyền, ngồi ngay ngắn, có mặc áo phao, ôm cặp trước ngực. (Đồng tình)

+ *Tranh 4:* Một bạn HS đi xe đạp vượt đèn đỏ. (Không đồng tình)

+ *Tranh 5:* Một bạn HS đi xe đạp ngược chiều giao thông với các phương tiện khác. (Không đồng tình)

+ *Tranh 6:* Bạn HS và người thân đang ngồi trên ô tô, dây an toàn được cài ngay ngắn. (Đồng tình)

3. GV tổ chức cho các nhóm báo cáo kết quả thảo luận, các nhóm khác nêu ý kiến trao đổi thêm.

Hoạt động 6: Xử lý tình huống

a. Mục tiêu

HS luyện tập ứng xử trước những hành vi tuân thủ hoặc không tuân thủ quy tắc an toàn khi đi trên các phương tiện giao thông.

b. Tổ chức thực hiện

1. GV tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm đôi và đưa ra cách xử lý đối với mỗi tình huống.

2. GV tổ chức cho HS thực hiện sắm vai xử lý tình huống:

Gợi ý:

– *Tình huống 1:* Na thấy cần tuân thủ quy tắc mặc áo phao khi đi trên tàu, thuyền. Do đó, cho dù chợ ở gần nhà, nhưng vẫn rất cần phải mặc áo phao. Na cần thể hiện thái độ cương quyết, yêu cầu được mặc áo phao. Đồng thời, Na cần nhắc nhở chị hàng xóm tuân thủ quy tắc này.

– *Tình huống 2:* Khi thấy bạn (Bin) đội mũ bảo hiểm quên cài quai, em có thể nhắc nhở bạn: *Bạn cài quai mũ bảo hiểm vào đi, đội mũ như vậy nguy hiểm lắm!* GV có thể phân tích thêm: Đội mũ bảo hiểm không cài quai thì mũ có thể rơi bất kì lúc nào hoặc chẳng may bị ngã thì mũ bảo hiểm cũng không bảo vệ được đầu.

– *Tình huống 3:* Bạn (Tin) có thể mở cửa sổ để ngắm cảnh, nhưng không được thò đầu, tay ra ngoài vì như thế rất nguy hiểm. GV có thể phân tích thêm: Khi xe đang chạy, việc thò đầu, tay ra ngoài có thể va chạm vào các xe khác đi ngược chiều hoặc xe khác đi cùng chiều đang vượt lên. Điều đó sẽ gây chấn thương rất nặng.

3. GV tổ chức cho HS nhận xét và đánh giá lẫn nhau sau mỗi tình huống.

Lưu ý: GV cần đưa ra tiêu chí nhận xét cho HS trước khi xem các bạn sắm vai: “Chú ý nhận xét về cách ứng xử, cử chỉ, nét mặt, lời nói”.

4. GV nhận xét, tổng kết hoạt động và dẫn dắt sang hoạt động sau.

VẬN DỤNG

Hoạt động 7: Chia sẻ về việc em tuân thủ quy tắc an toàn khi đi trên các phương tiện giao thông

a. Mục tiêu

HS củng cố kiến thức và rèn luyện các quy tắc an toàn khi đi trên các phương tiện giao thông.

b. Tổ chức thực hiện

1. GV hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hành các quy tắc an toàn khi đi trên các phương tiện giao thông theo phiếu rèn luyện.

2. GV tổ chức cho HS chia sẻ về việc thực hiện của HS vào tiết học sau.

3. GV nhận xét, khen ngợi kết quả rèn luyện của HS.

Hoạt động 8: Nhắc nhở người thân, bạn bè đảm bảo an toàn

a. Mục tiêu

HS góp phần tuyên truyền, nhắc nhở người thân, bạn bè tuân thủ quy tắc an toàn khi đi trên các phương tiện giao thông.

b. Tổ chức thực hiện

GV tổ chức cho HS nêu các quy tắc an toàn để nhắc nhở người thân, bạn bè khi đi trên các phương tiện giao thông trong những tình huống cụ thể:

- Bố, mẹ sắp đi máy bay.
- Anh, chị đang vội đi làm bằng xe máy.
- Các bạn tự đến trường bằng xe đạp.

Hoạt động 9: Cùng cố, dặn dò

a. Mục tiêu

HS ôn lại được những kiến thức, kĩ năng đã được học; liên hệ và điều chỉnh được việc làm của bản thân khi tham gia giao thông.

b. Tổ chức thực hiện

1. GV nêu các câu hỏi cho HS chia sẻ:

- Em đã học được gì qua bài học pháp luật này?
- Em thay đổi điều gì để giữ được sự an toàn khi đi trên các phương tiện giao thông?

2. GV tổ chức cho HS cùng đọc bài thơ Ghi nhớ, tổng kết các kĩ năng cần thiết khi đi trên các phương tiện giao thông:

Đường gần cho đến đường xa
Đường sắt, đường thuỷ hay là đường không
Tuân thủ quy tắc giao thông
Tự tin, vui bước em không sợ gì.

3. GV dặn dò HS về nhà:

- Nhắc nhở người thân tham gia giao thông an toàn.
- Đưa phiếu rèn luyện cho người thân ghi nhận xét đánh giá.

Thư gửi các bậc cha mẹ học sinh

GV sử dụng *Thư gửi các bậc cha mẹ học sinh* để cùng phối hợp với gia đình HS trong những nội dung sau:

1. Các bậc cha mẹ hỗ trợ con tìm hiểu và nhắc nhở con tuân thủ các quy tắc tham gia giao thông an toàn.
2. Các bậc cha mẹ lắng nghe sự nhắc nhở của con khi tham gia giao thông.
3. Gửi lại ý kiến nhận xét cho GV chủ nhiệm.

Bài 13: VIỆT NAM TRÊN ĐÀ PHÁT TRIỂN

Mục tiêu

- Nhận ra Tổ quốc Việt Nam đang phát triển mạnh mẽ;
- Tự hào được là người Việt Nam.

Khởi động

Nghe, vận động theo nhạc bài *Hãy đến với con người Việt Nam tôi* (Nhạc và lời: Xuân Nghĩa)

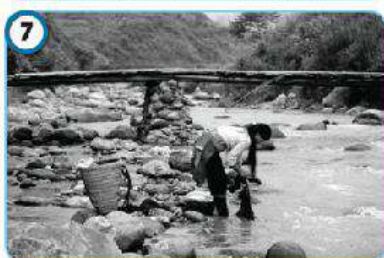


Nêu cảm nhận của em sau khi nghe bài hát.

Kiến tạo tri thức mới

1. Quan sát hình ảnh xưa và nay, em thấy đất nước đang phát triển như thế nào?

Xưa

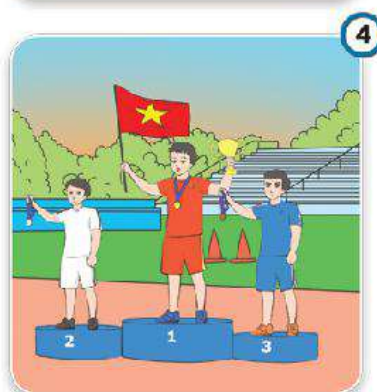


Nay



Kể thêm những đổi mới ở địa phương em.

2. Nêu những thành tựu đáng tự hào của người Việt Nam trong các lĩnh vực: khoa học, công nghệ, âm nhạc, thể thao.



Luyện tập

1. Em đồng tình hay không đồng tình với lời nói, việc làm nào? Vì sao?





2. Xử lí tình huống

• Tình huống 1:

Tin và mẹ xem phim về ngày Tết Việt Nam những năm 1990. Tin nói: “Mẹ ơi, nước mình bây giờ khác xưa nhiều, mẹ nhỉ.” Mẹ Tin nói: “Đúng vậy. Con kể cho mẹ xem, con thấy nước mình phát triển như thế nào?”

Nếu là Tin, em sẽ kể cho mẹ nghe những gì?

• Tình huống 2:

Anh trai Na dẫn bạn là người nước ngoài về nhà chơi. Anh ấy đề nghị Na kể về lịch sử, văn hoá, danh lam thắng cảnh của Việt Nam.

Nếu là Na, em sẽ kể về điều gì?

Vận dụng

1. Viết đoạn văn ngắn hoặc vẽ một bức tranh thể hiện ước mơ về tương lai của nơi em sống.

2. Suu tầm bài hát, bài thơ,... thể hiện niềm tự hào là người Việt Nam.

Người con đất Việt em ơi!
Tự hào dân tộc em thời chớ quên.
Đất nước ngày một đi lên
Trên đà phát triển vững bền hơn xưa.

GỢI Ý TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Với bài này, HS:

- Nhận ra Tổ quốc Việt Nam đang phát triển mạnh mẽ;
- Tự hào được là người Việt Nam.

Bài học này góp phần hình thành và phát triển cho HS:

1. Phẩm chất

Yêu nước: Chủ động tìm hiểu về sự phát triển của đất nước và rèn luyện bản thân để góp phần xây dựng đất nước ngày một giàu đẹp.

2. Năng lực

Năng lực đặc thù

- **Năng lực giao tiếp và hợp tác:** Trao đổi, chia sẻ ý kiến với bạn trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- **Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Đưa ra ý kiến và sắm vai để giải quyết tình huống; thực hiện các việc làm cần thiết để góp phần xây dựng đất nước.
- **Năng lực điều chỉnh hành vi:**

Nhận thức chuẩn mực hành vi	Có lời nói, việc làm thể hiện niềm tự hào là người Việt Nam.
Đánh giá hành vi của bản thân và người khác	Đồng tình với những lời nói, việc làm thể hiện niềm tự hào là người Việt Nam.
Điều chỉnh hành vi	Bước đầu biết điều chỉnh và nhắc nhở bạn bè điều chỉnh cảm xúc, thái độ, hành vi, thói quen của bản thân để góp phần xây dựng đất nước.

II. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên: SGK Đạo đức 3, Vở bài tập Đạo đức 3, bài giảng điện tử, máy tính, máy chiếu (nếu có), tranh ảnh, tình huống, tư liệu liên quan đến sự phát triển của đất nước trên các phương diện kinh tế, xã hội, văn hoá, thể thao,...

2. Học sinh: SGK Đạo đức 3, Vở bài tập Đạo đức 3 (nếu có),...

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

KHỞI ĐỘNG

Hoạt động 1: Chia sẻ cảm nhận

a. Mục tiêu

HS chia sẻ được cảm nhận của bản thân khi nghe bài hát *Hãy đến với con người Việt Nam tôi* (Nhạc và lời: Xuân Nghĩa).

b. Tổ chức thực hiện

1. GV cho HS nghe, vận động theo nhạc bài hát *Hãy đến với con người Việt Nam tôi* và trao đổi theo nhóm đôi:

- Em hãy tìm những hình ảnh về đất nước Việt Nam có trong bài hát.
- Nêu cảm nhận của em sau khi nghe bài hát.

2. GV tổ chức cho các nhóm báo cáo kết quả thảo luận. Các nhóm khác bổ sung, chia sẻ thêm ý kiến của nhóm mình.

3. GV tổ chức cho HS chia sẻ thêm (nếu có): *Các em hãy chia sẻ thêm những hình ảnh đẹp về những công trình xây dựng mới hoặc cảnh quan thiên nhiên nơi em sống.*

4. GV tổng kết và dẫn dắt sang hoạt động sau.

KIẾN TẠO TRI THỨC MỚI

Hoạt động 2: Quan sát hình ảnh xưa và nay, em thấy đất nước đang phát triển như thế nào?

a. Mục tiêu

HS nhận ra được sự phát triển của đất nước thông qua sự so sánh hình ảnh đất nước xưa và nay.

b. Tổ chức thực hiện

1. GV chia lớp thành các nhóm 4, thảo luận các câu hỏi sau:

- Nội dung hình ảnh là gì?
- Em có nhận xét gì về hình ảnh xưa và nay?

2. GV tổ chức cho HS báo cáo kết quả thảo luận.

Gợi ý:

– Ảnh 1 và 2: Hình ảnh HS xưa học dưới ánh sáng đèn dầu tối; HS nay được học trong ánh sáng đèn điện sáng sủa.

– Ảnh 3 và 4: Người dân xưa qua sông phải đi bằng thuyền mất nhiều thời gian và nguy hiểm; người dân ngày nay qua sông bằng cầu rất hiện đại.

– Ảnh 5 và 6: Ngôi trường xưa 1 tầng, mái bằng tranh tre, nứa lá; ngôi trường học nay khang trang, rộng rãi, 3 tầng.

– Ảnh 7 và 8: Đồng bào dân tộc thiểu số xưa tắm giặt bên bờ suối, mất vệ sinh; đồng bào nay có nước sạch sử dụng hằng ngày.

3. GV tổ chức cho HS trao đổi cả lớp: *Kể thêm những đổi mới ở địa phương em.*

Gợi ý: Những công trình tiêu biểu như điện lưới, nước sạch, đường xá, cầu cống, trạm xá, bệnh viện, trường học, công viên,...

4. GV mời một số HS trình bày ý kiến của mình, những HS khác bổ sung, góp ý.

5. GV tổng kết và chuyển tiếp sang hoạt động sau.

Hoạt động 3: Nêu những thành tựu đáng tự hào của người Việt Nam

a. Mục tiêu

HS tìm hiểu được những thành tựu đáng tự hào của người Việt Nam trên một số lĩnh vực.

b. Tổ chức thực hiện

1. GV tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm 4 (nhóm Âm nhạc, nhóm Công nghệ, nhóm Khoa học, nhóm Thể thao) và trả lời các câu hỏi sau:

– Trong những năm gần đây, âm nhạc (hoặc thể thao, khoa học, công nghệ,...) của Việt Nam có những thành tích gì nổi bật?

– Ai là đại diện tiêu biểu cho những thành tích đó?

2. GV tổ chức cho đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận. Các nhóm khác góp ý, bổ sung.

Lưu ý: Nếu có điều kiện, GV có thể chuẩn bị hình ảnh những đại diện tiêu biểu của các thành tích và yêu cầu HS nêu những hiểu biết của mình về những thành tích đó.

3. GV tổ chức cho HS trao đổi cả lớp: *Qua tìm hiểu những thành tích trên, em thấy đất nước mình đã có những bước phát triển như thế nào?*

4. GV đưa ra gợi ý khi cần thiết.

5. GV tổng kết câu trả lời và dẫn dắt chuyển tiếp sang hoạt động sau.

LUYỆN TẬP

Hoạt động 4: Em đồng tình hay không đồng tình với lời nói, việc làm nào? Vì sao?

a. Mục tiêu

HS thể hiện được thái độ phù hợp với lời nói, việc làm thể hiện sự tự hào được là người Việt Nam.

b. Tổ chức thực hiện

1. GV tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm đôi, nhận xét về lời nói, việc làm của các bạn trong tranh.

2. GV gợi ý cho HS nhận xét theo từng tranh:

– Các nhân vật trong tranh đã nói gì, làm gì?

– Em có nhận xét gì về lời nói, việc làm của các bạn?

GV lưu ý HS quan sát nét mặt, cử chỉ, hành động, lời nói của các bạn trong tranh khi có lời nói, việc làm thể hiện niềm tự hào được là người Việt Nam.

3. GV nhận xét, tổng kết hoạt động và dẫn dắt sang hoạt động sau.

Hoạt động 5: Xử lý tình huống

a. Mục tiêu

HS luyện tập lời nói, việc làm thể hiện niềm tự hào về truyền thống lịch sử, văn hoá và sự phát triển của đất nước.

b. Tổ chức thực hiện

1. GV tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm đôi, đưa ra cách xử lý tình huống. GV khuyến khích HS thể hiện xử lý tình huống bằng nhiều cách khác nhau.

2. GV tổ chức cho HS chia sẻ ý kiến về cách xử lý tình huống của nhóm.

3. GV khai thác thêm: *Em sẽ làm gì để thể hiện niềm tự hào là người Việt Nam* (GV có thể cho HS làm bài tập trong *Vở bài tập Đạo đức 3*).

4. GV nhận xét, tổng kết hoạt động và dẫn dắt sang hoạt động sau.

VẬN DỤNG

Hoạt động 6: Viết đoạn văn ngắn hoặc vẽ một bức tranh thể hiện ước mơ về tương lai của nơi em sống

a. Mục tiêu

HS thể hiện được ước mơ của bản thân về nơi em sống trong tương lai.

b. Tổ chức thực hiện

1. GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân, khuyến khích sự sáng tạo của các em. Cho phép các em sáng tạo trên các chất liệu, hình thức khác nhau: viết, vẽ, làm thơ...
2. GV mời một số HS trình bày, giới thiệu sản phẩm của mình trước lớp.
3. GV mời một số HS nhận xét và đưa ra gợi ý cho bạn để tiếp tục hoàn thiện sản phẩm của mình.
4. GV tổng kết hoạt động và chuyển tiếp sang hoạt động sau.

Hoạt động 7: Sưu tầm bài hát, bài thơ,... thể hiện niềm tự hào là người Việt Nam

a. Mục tiêu

HS sưu tầm và ghi nhớ những bài thơ, bài hát,... thể hiện niềm tự hào là người Việt Nam.

b. Tổ chức thực hiện

- GV giao cho HS về nhà sưu tầm những bài thơ, bài hát,... có nội dung thể hiện niềm tự hào là người Việt Nam.
- GV yêu cầu HS chia sẻ những sản phẩm sưu tầm được khi có điều kiện.

Hoạt động 8: Củng cố, dặn dò

a. Mục tiêu

HS ôn lại những kiến thức, kĩ năng đã được học; liên hệ và điều chỉnh được việc làm của bản thân để thực hiện những lời nói, việc làm nhằm góp phần phát triển đất nước; thể hiện niềm tự hào được là người Việt Nam.

b. Tổ chức thực hiện

1. GV nêu các câu hỏi cho HS chia sẻ:
 - Em đã học được gì qua bài đạo đức này?
 - Em sẽ thay đổi điều gì để có thể thực hiện tốt hơn những việc làm góp phần phát triển đất nước?

– Nếu được là đại sứ của Việt Nam tại Liên hợp quốc, em sẽ nói gì, làm gì thể hiện niềm tự hào mình là người Việt Nam?

2. GV tổ chức cho HS cùng đọc bài thơ Ghi nhớ, tổng kết bài học:

Người con đất Việt em ơi
Tự hào dân tộc em thời chớ quên
Đất nước ngày một đi lên
Trên đà phát triển vững bền hơn xưa.

3. GV dặn dò HS về nhà:

– Đưa phiếu rèn luyện cho người thân ghi nhận xét, đánh giá.

Thư gửi các bậc cha mẹ học sinh

GV sử dụng *Thư gửi các bậc cha mẹ học sinh* để cùng phối hợp với gia đình HS trong những nội dung sau:

1. Các bậc cha mẹ góp ý, hỗ trợ con sưu tầm thơ ca, hò vè,... thể hiện niềm tự hào là người Việt Nam.
2. Các bậc cha mẹ lắng nghe sự chia sẻ của con và nhắc nhở con thực hiện những việc làm phù hợp với lứa tuổi, góp phần xây dựng đất nước.
3. Gửi lại ý kiến nhận xét cho GV chủ nhiệm.

II. HƯỚNG DẪN DẠY HỌC DẠNG BÀI GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG

1. Hướng dẫn tổ chức dạy học

1.1. Giai đoạn Khởi động

GV tổ chức hoạt động Khởi động nhằm khai thác kinh nghiệm của HS, khơi gợi cảm xúc vốn có của các em về những vấn đề thực tiễn liên quan đến kĩ năng sống phù hợp với lứa tuổi và yêu cầu của Chương trình Giáo dục Đạo đức. Hoạt động này giúp HS *nhận ra được kĩ năng sống cần được trang bị để giải quyết các vấn đề của thực tiễn*, từ đó thúc đẩy việc tìm hiểu và suy nghĩ về cách thức thực hiện các kĩ năng sống tương ứng.

Câu hỏi đặt ra trong giai đoạn này thường là:

- Em đã từng tham gia/chúng kiến, thực hiện... chưa?
- Kết quả/hậu quả/... thế nào?

– Em thấy mình đã làm tốt/chưa tốt... điều gì?

– Điều gì em cần tiếp tục học hỏi/hoàn thiện?

Những câu hỏi, cách đặt vấn đề cần: *một mặt*, khai thác xem HS đã biết những gì, biết đến đâu về những kiến thức, kĩ năng liên quan đến nội dung bài học; *mặt khác*, kích thích, khơi dậy nhu cầu tìm hiểu, hoàn thiện các kĩ năng sống còn thiếu hụt trong mỗi HS, tạo động lực để HS hứng thú học tập trong giai đoạn sau.

1.2. Giai đoạn Kiến tạo tri thức mới

GV tổ chức hoạt động Kiến tạo tri thức mới, nhằm hướng dẫn HS *liên kết kinh nghiệm thực tiễn với những tri thức liên quan đến kĩ năng sống cần được trang bị*, từ đó *xác định được cách thức thực hiện kĩ năng sống* phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh cụ thể. Các kiến thức về kĩ năng được trang bị trong giai đoạn này. Với những bài học kĩ năng sống, việc nhận thức, nắm bắt các kĩ năng cần được chú trọng. GV đóng vai trò của người hướng dẫn, HS là người phản hồi, trình bày quan điểm/ý kiến, đặt câu hỏi/ trả lời.

Câu hỏi đặt ra cho HS trong giai đoạn này định hướng cho HS nhận thức về nguyên nhân, kết quả của việc thiếu hụt kĩ năng sống, từ đó nêu ra những việc cần phải làm và làm như thế nào cho phù hợp, thường là:

– Điều gì sẽ xảy ra nếu...?

– Vì sao phải thực hiện...?

– Các bước/cách thức... nên làm là gì?

1.3. Giai đoạn Luyện tập

GV cần tổ chức các hoạt động cho HS có cơ hội thực hành kiến thức và kĩ năng mới vào một bối cảnh/hoàn cảnh/điều kiện có ý nghĩa. Thông qua hoạt động Luyện tập, GV định hướng cho HS thực hành đúng cách, điều chỉnh những hiểu biết, kĩ năng còn chưa đúng. Qua đó, HS có thể tiếp tục học hỏi, điều chỉnh kĩ năng của mình để phù hợp với từng điều kiện, hoàn cảnh cụ thể.

Các hoạt động học tập của giai đoạn này thường tập trung vào cách làm.

– Làm/nói/nghe... thế nào cho đúng/cho phù hợp?

– Các bước/quy trình... thực hiện như thế nào?

1.4. Giai đoạn Vận dụng

GV tổ chức hoạt động để tạo cơ hội cho HS tích hợp, mở rộng và vận dụng kinh nghiệm, kiến thức, kĩ năng đã được luyện tập, thực hành ở hoạt động trước vào các

tình huống/bối cảnh mới. GV tổ chức các hoạt động để HS gắn kết các tình huống thực tiễn của chính các em. Hoạt động này giúp HS *thể hiện sự linh hoạt, sáng tạo của bản thân khi phải cân nhắc lựa chọn các kĩ năng đã học vào giải quyết các tình huống cụ thể theo cách hiệu quả nhất đồng thời hình thành các kĩ năng sống cần thiết, rèn luyện thói quen sống lành mạnh.*

2. Ví dụ minh họa

Chủ đề: XỬ LÝ BẤT HOÀ VỚI BẠN BÈ

Bài 10: EM NHẬN BIẾT BẤT HOÀ VỚI BẠN

Mục tiêu

- Nêu được một số biểu hiện bất hoà với bạn bè;
- Nhận biết được lợi ích của việc xử lý bất hoà với bạn bè.

Khởi động

Quan sát tranh và cho biết điều gì đang xảy ra



Theo em, khi đó hai bạn cảm thấy như thế nào?

Kiến tạo tri thức mới

1. Quan sát tranh và cho biết tình huống nào biểu hiện sự bất hoà





Kể thêm các biểu hiện bất hoà với bạn mà em biết.

2. Quan sát tình huống và cho biết lợi ích của việc xử lí bất hoà



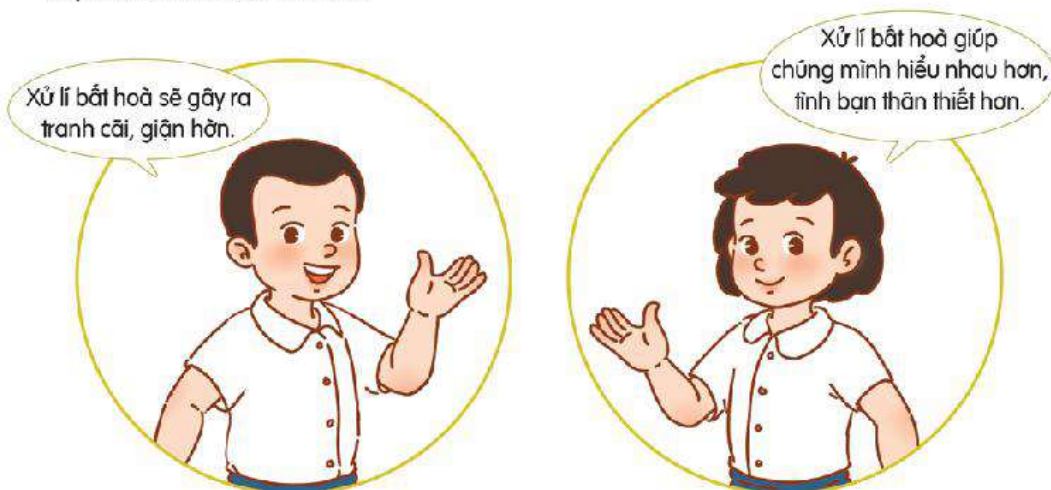
Kể thêm các lợi ích khác của việc xử lí bất hoà.

Luyện tập

1. Lời nói, việc làm của bạn nào có thể dẫn đến bất hoà? Vì sao?



2. Em đồng tình hay không đồng tình với ý kiến nào sau đây về lợi ích của việc xử lí bất hoà? Vì sao?



Vận dụng

1. Kể lại một tình huống bất hoà của em với bạn. Cho biết tình bạn giữa em và bạn sẽ thế nào nếu không xử lí bất hoà.
2. Nêu một số biểu hiện bất hoà thường gặp của em với bạn bè và đề xuất cách ứng xử phù hợp.

Mỗi khi bất hoà xảy ra
 Tranh cãi, hờn giận làm ta buồn rầu
 Muốn cho tình bạn bền lâu
 Tìm cách xử lí, mau mau làm hoà.

GỢI Ý TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Với bài này, HS:

- *Nêu được một số biểu hiện bất hoà với bạn bè;*
- *Nhận biết được lợi ích của việc xử lí bất hoà với bạn bè.*

Bài học này góp phần hình thành và phát triển cho HS:

1. Phẩm chất

– *Trách nhiệm:* Có ý thức nhận biết một số biểu hiện bất hoà với bạn để chủ động xử lí bất hoà.

– *Nhân ái:* Có thái độ yêu thương, tôn trọng bạn bè trong quá trình nhận biết và xử lí bất hoà với bạn.

2. Năng lực

Năng lực chung

– *Giao tiếp và hợp tác:* Thực hiện được một số lời nói, hành động để xác định biểu hiện bất hoà với bạn bè và lợi ích của việc xử lí bất hoà với bạn bè.

– *Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Nhận biết được biểu hiện của bất hoà để tìm cách xử lí phù hợp.

Năng lực đặc thù

Năng lực điều chỉnh hành vi:

Nhận thức chuẩn mực hành vi	– Nêu được một số biểu hiện bất hoà với bạn bè. – Nhận biết được lợi ích của việc xử lí bất hoà với bạn bè.
Đánh giá hành vi của bản thân và người khác	– Đồng tình với những quan điểm phù hợp về việc xử lí bất hoà, không đồng tình với những quan điểm không phù hợp với việc xử lí bất hoà.
Điều chỉnh hành vi	– Thực hiện được một số hành động cần thiết, phù hợp để nhận biết biểu hiện bất hoà.

II. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên: SGK Đạo đức 3, Vở bài tập Đạo đức 3, bài giảng điện tử, máy tính, máy chiếu (nếu có), giấy A3/A0, các hình ảnh trong SGK.

2. Học sinh: SGK Đạo đức 3, Vở bài tập Đạo đức 3 (nếu có), kéo, giấy bìa màu, bút chì, bút màu.

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

KHỞI ĐỘNG

Hoạt động 1: Quan sát tranh và cho biết điều gì đang xảy ra

a. Mục tiêu

- Tạo cảm hứng học tập cho HS.
- HS huy động những kiến thức, kĩ năng cần thiết của bản thân để giải thích và kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới.
- Tạo ra mâu thuẫn trong nhận thức đối với HS, biết dựa vào đâu để xác định sự bất hoà với bạn bè.

b. Tổ chức thực hiện

1. GV có thể yêu cầu HS làm việc cá nhân hoặc thảo luận theo nhóm đôi. GV có thể chiếu tranh trong SGK lên máy chiếu hoặc đính tranh trên bảng để tất cả HS trong lớp cùng tập trung theo dõi. GV nêu yêu cầu: *Quan sát tranh và cho biết điều gì đang xảy ra.*

2. GV mời đại diện 2 đến 3 lượt HS trả lời và HS nhận xét lẫn nhau. GV khuyến khích HS có thể có nhiều ý kiến khác nhau trong quá trình trả lời.

3. Khi HS trả lời xong, GV tiếp tục hỏi: *Theo em, khi đó hai bạn cảm thấy như thế nào?*

4. GV tổng kết và dẫn dắt sang hoạt động sau:

Khi đặt mình vào vị trí của Bin, chúng ta thấy được cảm xúc tức giận, vẻ mặt bình tĩnh của bạn. Về phía bạn còn lại, chúng ta thấy bạn đang cảm thấy bất ngờ vì bị Bin trách; nếu Bin tiếp tục trách móc thì có thể dẫn đến cãi nhau, thậm chí đánh nhau. Việc nhận biết bất hoà rất quan trọng để chúng ta có thể kịp thời xử lý bất hoà, xây dựng tình bạn đẹp.

KIẾN TẠO TRI THỨC MỚI

Hoạt động 2: Quan sát tranh và cho biết tình huống nào biểu hiện sự bất hoà

a. Mục tiêu

HS nêu được một số biểu hiện bất hoà với bạn bè.

b. Tổ chức thực hiện

1. GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm đôi, quan sát tranh trong SGK và cho biết tình huống nào thể hiện sự bất hoà.

Gợi ý:

- *Tranh 1:* Tình huống bất hoà. Biểu hiện: tranh cãi với nhau về việc va chạm.
- *Tranh 2:* Tình huống bất hoà. Biểu hiện: tranh cãi, giành nhau cái ghế.
- *Tranh 3:* Tình huống không bất hoà.
- *Tranh 4:* Tình huống bất hoà. Biểu hiện: tranh cãi, đổ lỗi cho nhau.

2. Trong quá trình HS thảo luận, GV quan sát HS làm việc và hỗ trợ khi cần thiết, đồng thời ghi lại những HS tích cực, những HS chưa thực sự tích cực để điều chỉnh.

3. GV mời HS trả lời và HS nhận xét lẫn nhau.

4. GV mở rộng thêm yêu cầu để HS làm việc cá nhân: *Kể thêm các biểu hiện bất hoà với bạn mà em biết.* GV tổ chức cho HS chia sẻ thêm ý kiến để hiểu hơn về các bất hoà có thể xảy ra trong lớp, qua đó GV định hướng giúp HS xử lý bất hoà trong bài học kế tiếp.

4. GV nhận xét, khen ngợi HS và tổng kết, chuyển tiếp sang hoạt động sau.

Hoạt động 3: Quan sát tình huống và cho biết lợi ích của việc xử lý bất hoà

a. Mục tiêu

HS nhận biết được lợi ích của việc xử lý bất hoà với bạn bè.

b. Tổ chức thực hiện

1. GV yêu cầu HS quan sát 4 tranh và kể lại tình huống trước lớp. Sau đó, cho HS 3 phút để suy nghĩ về lợi ích của việc xử lý bất hoà.

2. GV mời 4 – 5 HS chia sẻ về lợi ích của việc xử lý bất hoà được mô tả trong tranh và mời HS khác nhận xét, góp ý. Trong quá trình HS trả lời, GV có thể gợi ý thêm cho HS phát biểu, *kể thêm các lợi ích khác của việc xử lý bất hoà với bạn bè.*

3. GV nhận xét, khen ngợi HS và tổng kết lại thông tin trước khi chuyển sang hoạt động mới:

Lợi ích của xử lý bất hoà là giúp em và bạn hiểu nhau hơn. Tình bạn sẽ ngày càng bền chặt, gắn bó. Xử lý bất hoà với bạn giúp em rèn luyện sự tự tin khi chia sẻ, trò chuyện cùng bạn.

LUYỆN TẬP

Hoạt động 4: Lời nói, việc làm của bạn nào có thể dẫn đến bất hoà? Vì sao?

a. Mục tiêu

HS thực hiện được một số hành động cần thiết, phù hợp để nhận biết biểu hiện bất hoà.

b. Tổ chức thực hiện

1. GV giao nhiệm vụ cho HS quan sát tranh và làm việc theo nhóm đôi (hoặc ba) với yêu cầu: *Cho biết lời nói, việc làm của bạn nào có thể dẫn đến bất hoà? Vì sao?*

Gợi ý:

- Tranh 1: Bin trêu chọc Cốm.
- Tranh 2: Na trách bạn nam vì làm gãy thước. Bạn nam nhận lỗi và xin lỗi Na.
- Tranh 3: Bin hát trong thư viện làm ảnh hưởng đến Cốm.
- Tranh 4: Tin xin lỗi bạn nữ vì đã va chạm vào bạn ấy.
- Tranh 5: Bin giật quyển sách và nói lời khiêu khích Tin.
- Tranh 6: Na và Cốm đùn đẩy việc đổ rác trong giờ trực nhật.

2. Trong quá trình HS đọc thông tin, GV quan sát HS làm việc và hỗ trợ khi cần thiết, đồng thời ghi lại những HS tích cực/chưa tích cực để điều chỉnh.

3. GV mời HS trả lời và HS nhận xét lẫn nhau.

4. GV nhận xét, khen ngợi HS và tổng kết hoạt động, dẫn dắt sang hoạt động sau.

Hoạt động 5: Em đồng tình hay không đồng tình với ý kiến nào sau đây về lợi ích của việc xử lý bất hoà? Vì sao?

a. Mục tiêu

HS đồng tình với những quan điểm phù hợp về việc xử lý bất hoà, không đồng tình với những quan điểm không phù hợp với việc xử lý bất hoà.

b. Tổ chức thực hiện

1. GV nêu yêu cầu và phỏng vấn nhanh 5 – 7 HS về câu hỏi *Em đồng tình hay không đồng tình với ý kiến nào sau đây về lợi ích của việc xử lý bất hoà? Vì sao?*

Gợi ý:

- Ý kiến của bạn nam: Không đồng tình.
- Ý kiến của bạn nữ: Đồng tình.

2. Trong quá trình HS trình bày, GV hỗ trợ HS để tránh lạc đề. GV chú ý nhấn mạnh vào lợi ích của việc xử lý bất hoà, đồng thời khuyến khích HS chia sẻ thêm một số lợi ích khác.

3. GV nhận xét, tổng kết hoạt động.

VẬN DỤNG

Hoạt động 6: Suy ngẫm và chia sẻ

a. Mục tiêu

HS tự rút ra bài học cho bản thân về việc nhận biết biểu hiện bất hoà với bạn và lợi ích của việc xử lý bất hoà với bạn bè.

b. Tổ chức thực hiện

1. GV tổ chức cho HS đọc yêu cầu hoạt động, suy nghĩ và viết ra giấy câu trả lời: *Kể lại một tình huống bất hoà của em với bạn. Cho biết tình bạn giữa em và bạn sẽ thế nào nếu không xử lý bất hoà. GV theo dõi và giải đáp cho HS khi cần thiết.*

2. GV mời 2 – 3 HS chia sẻ.

3. GV tổng kết hoạt động và chuyển tiếp sang hoạt động sau.

Hoạt động 7: Tìm cách ứng xử phù hợp

a. Mục tiêu

HS rèn luyện việc nhận biết các biểu hiện bất hoà với bạn để đề xuất cách ứng xử phù hợp.

b. Tổ chức thực hiện

1. GV yêu cầu HS suy nghĩ và liệt kê một số biểu hiện bất hoà thường gặp của bản thân với bạn bè. Mỗi HS nêu từ 2 đến 3 biểu hiện. GV có thể tổ chức theo nhóm 4 – 6 HS hoặc theo tổ.

2. Nhóm HS chọn đại diện viết những biểu hiện ra giấy A2 hoặc A1.

3. GV mời HS đại diện các nhóm chia sẻ và đề xuất cách ứng xử phù hợp.

4. GV tổng hợp nội dung HS trình bày và kết luận, đánh giá hoạt động.

Hoạt động 8: củng cố, dặn dò

a. Mục tiêu

HS ôn lại được những kiến thức, kĩ năng đã được học; liên hệ và điều chỉnh được suy nghĩ, việc làm của bản thân để nhận biết biểu hiện bất hoà với bạn bè.

b. Tổ chức thực hiện

1. GV nêu các câu hỏi cho HS chia sẻ:

- Em đã học được gì qua bài học này?
- Em có thể nhận biết bất hoà thông qua những biểu hiện nào?
- Theo em, vì sao cần phải xử lý bất hoà với bạn bè?

2. GV tổ chức cho HS cùng đọc Ghi nhớ, tổng kết về kĩ năng nhận biết bất hoà với bạn:

Mỗi khi bất hoà xảy ra

Tranh cãi, hờn giận làm ta buồn rầu.

Muốn cho tình bạn bền lâu,

Tìm cách xử lý, mau mau làm hoà.

3. GV dặn dò HS về nhà hoàn thành các yêu cầu trong hoạt động Vận dụng (nếu chưa kịp hoàn thành tại lớp) và chia sẻ với người thân trong gia đình về cách nhận biết bất hoà với bạn.

Thư gửi các bậc cha mẹ học sinh

GV sử dụng *Thư gửi các bậc cha mẹ học sinh* để cùng phối hợp với gia đình HS trong những nội dung sau:

1. Cha mẹ cung cấp thông tin và hướng dẫn con nhận biết các biểu hiện của bất hoà.
2. Cha mẹ thường xuyên nhắc nhở con khi bất hoà xảy ra, cần giữ bình tĩnh và xác định nguyên nhân gây bất hoà.
3. Cha mẹ quan sát và điều chỉnh con trong việc rèn luyện giữ bình tĩnh và xác định nguyên nhân gây bất hoà.

Chịu trách nhiệm xuất bản

Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Tổ chức và chịu trách nhiệm bản thảo:

Phó Tổng biên tập NGUYỄN VĂN TÙNG

Giám đốc Công ty CP DVXBGD Gia Định TRẦN THỊ KIM NHUNG

Biên tập nội dung: VŨ TRỌNG THANH

Thiết kế sách: NGUYỄN NGỌC ĐAN THANH

Trình bày bìa: NGUYỄN MẠNH HÙNG

Sửa bản in: TRỌNG THANH

Chế bản: Công ty CP Dịch vụ xuất bản giáo dục Gia Định

Địa chỉ sách điện tử và tập huấn qua mạng:

– Sách điện tử: nxbgd.vn/sachdientu

– Tập huấn online: nxbgd.vn/taphuan

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kỳ hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN MÔN ĐẠO ĐỨC LỚP 3**BỘ SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO**

Mã số: ...

In bản, (QĐ) khổ 19 x 26,5 cm.

Đơn vị in: địa chỉ

Cơ sở in: địa chỉ

Số ĐKXB: .../CXBIPH/. GD.

Số QĐXB: .../QĐ- GD – HN ngày ... tháng ... năm 20...

In xong và nộp lưu chiểu tháng ... năm 20...

Mã số ISBN:



TRẦN TRỌNG GIỚI THIỆU



Sách không bán